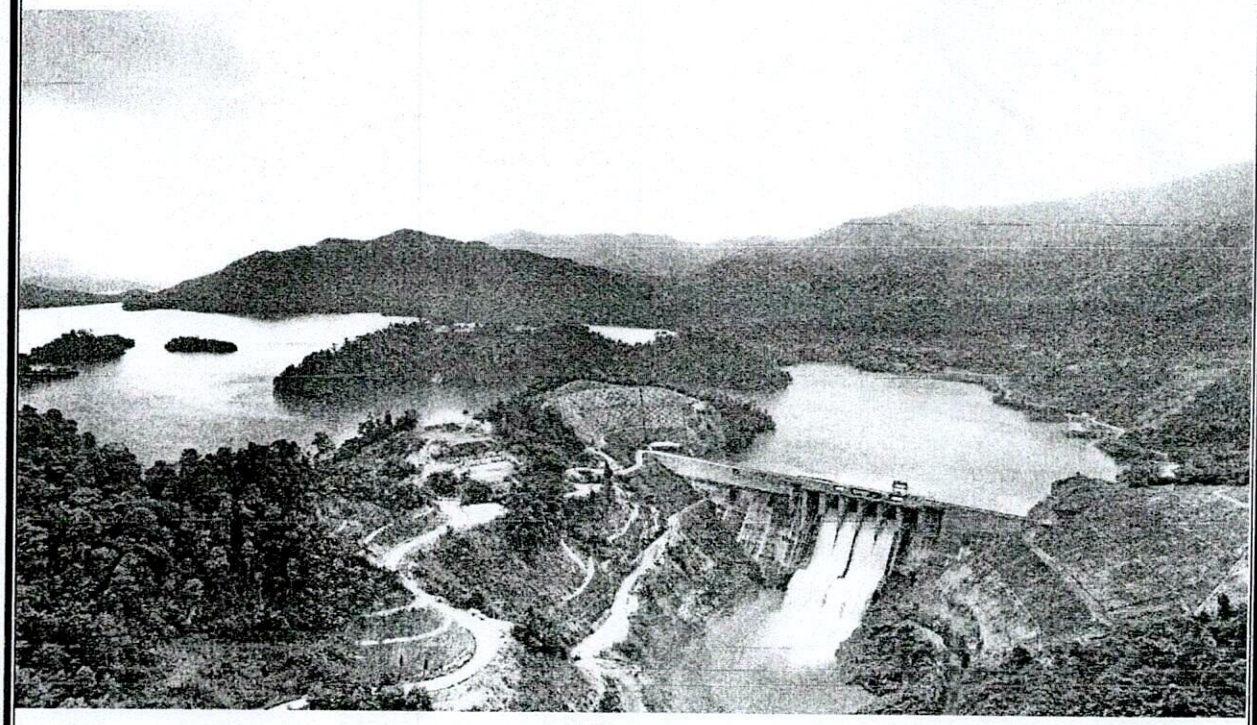
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA
Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An
ĐT: 02383.588 766; Fax: 02383.588 767

TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026



Nghệ An, tháng 4 năm 2026

DANH MỤC
TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Thời gian: Thứ 6, ngày 24 tháng 4 năm 2026

Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na, Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07 đường Quang Trung, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An.

STT	Tên tài liệu	Ghi chú
1	Chương trình Đại hội	
2	Quy chế Tổ chức đại hội; Thể lệ biểu quyết	
3	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 của Hội đồng quản trị	
4	Báo cáo của Ban giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na	
5	Báo cáo đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT về Hoạt động của HĐQT Công ty năm 2025	
6	Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026	
7	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025	
8	Tờ trình về việc thông qua kế hoạch tài chính năm 2026	
9	Tờ trình về việc thông qua Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty	
10	Tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025	
11	Tờ trình về việc thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.	
12	Tờ trình việc miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần thủy điện Hủa Na	
13	Phiếu biểu quyết các nội dung	
14	Quy chế Bầu cử bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na	
15	Phiếu bầu cử	
16	Dự thảo Nghị quyết Đại hội	

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Thời gian: Thứ 6, ngày 24 tháng 4 năm 2026

Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na, Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07 đường Quang Trung, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An.

Thời gian dự kiến	Nội dung chương trình	Thực hiện
07h30~08h00	- Tiếp đón, kiểm tra tư cách cổ đông và ổn định tổ chức	Ban Tổ chức
08h00~08h30	- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông	Ban kiểm tra tư cách cổ đông
	- Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, khách mời	Ban Tổ chức
	- Giới thiệu và thông qua danh sách Đoàn chủ tịch, Ban thư ký và Ban kiểm phiếu	Ban Tổ chức
08h30~08h45	- Thông qua nội dung chương trình Đại hội	Đoàn chủ tịch
	- Thông qua Quy chế tổ chức Đại hội và Thể lệ biểu quyết	
08h45~09h45	**Trình bày các Báo cáo, Tờ trình:**	
	- Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 của Hội đồng quản trị	Đoàn chủ tịch
	- Báo cáo của Ban giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026	
	- Báo cáo đánh giá của Thành viên độc lập HĐQT về Hoạt động của HĐQT Công ty năm 2025.	TV độc lập HĐQT
	- Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026	Ban kiểm soát
	- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025	Đoàn chủ tịch
	- Tờ trình về việc thông qua kế hoạch tài chính năm 2026	
	- Tờ trình về việc thông qua Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026 của HĐQT, BKS	
	- Tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025	
	- Tờ trình về việc thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026.	
	- Tờ trình việc miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần thủy điện Hủa Na	

Thời gian dự kiến	Nội dung chương trình	Thực hiện
09h45~09h55	- Ý kiến phát biểu của Lãnh đạo Cổ đông chi phối – Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	
09h55~10h20	- Thảo luận các vấn đề trình bày tại Đại hội; Đoàn chủ tịch giải đáp các ý kiến của Cổ đông	Đoàn chủ tịch, các Cổ đông Ban kiểm phiếu
10h20~10h40	- Biểu quyết thông qua các nội dung của đại hội (bằng phiếu biểu quyết) - Kiểm phiếu biểu quyết, Công bố kết quả biểu quyết	
10h40~11h00	**Bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị:**	
	- Thông qua Quy chế bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị - Thông qua Danh sách đề cử, ứng cử Thành viên Hội đồng quản trị - Đại hội tiến hành bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị	Đoàn chủ tịch, Ban kiểm phiếu
11h00~11h30	- Kiểm phiếu - Nghỉ giải lao	Ban kiểm phiếu
	- Công bố kết quả bầu cử	
	- Thông qua Biên bản Đại hội	Tổ Thư ký
	- Bế mạc Đại hội	Đoàn chủ tịch

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày tháng 4 năm 2026

QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Điều 1. Mục tiêu

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2. Đối tượng, Phạm vi áp dụng

- Quy chế này quy định điều kiện, thể thức tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na và quyền, nghĩa vụ của các bên tham dự Đại hội;
- Các cổ đông của công ty và các đối tượng tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định của Quy chế này.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông tham dự đại hội:

1. Điều kiện tham dự Đại hội: Tất cả các cổ đông là pháp nhân, thể nhân hoặc đại diện cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty vào ngày chốt danh sách cổ đông thì được quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.
2. Quyền của các cổ đông tham dự đại hội:

- Được thông báo mời họp qua thư mời được gửi đến địa chỉ theo Danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội, tại website của Công ty (http://huana.com.vn). Tài liệu đại hội được đăng tải công khai trên website của Công ty để xem xét và thảo luận trực tiếp tại Đại hội.
- Được trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người đại diện tham dự Đại hội và được phát biểu ý kiến đóng góp, biểu quyết các vấn đề được ghi trong nội dung chương trình của Đại hội.
- Cổ đông đến dự đại hội muộn có quyền được đăng ký vào dự ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội; nhưng không có quyền tham gia và biểu quyết về những nội dung đã được Đại hội thông qua trước đó khi cổ đông chưa có mặt (hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng).

3. Nghĩa vụ của các cổ đông tham dự đại hội:

- Tuân thủ các quy định tại Quy chế này.
- Tôn trọng quyền điều hành của Chủ tọa Đại hội và tôn trọng kết quả biểu quyết của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.
- Tự chịu chi phí đi lại, ăn ở để tham dự Đại hội.
- Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi tham dự Đại hội cổ đông phải mang theo giấy Ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền), Căn cước công dân/Hộ chiếu và Thư mời tham dự trình cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông.

▪ Trường hợp cổ đông là cá nhân thì văn bản uỷ quyền phải được ký bởi cổ đông đó.

▪ Trường hợp cổ đông là pháp nhân/tổ chức thì văn bản ủy quyền phải được đóng dấu và được ký bởi người đại diện theo pháp luật của pháp nhân/tổ chức đó.

- Cổ đông đến tham dự Đại hội có mặt đúng thời gian quy định và phải hoàn thành các thủ tục đăng ký với Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và nhận Phiếu biểu quyết, Thẻ biểu quyết,…
- Nghiêm túc chấp hành nội quy đại hội và tôn trọng kết quả Đại hội.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông

- Ban kiểm tra tư cách cổ đông gồm một (01) Trưởng ban và một hoặc một số thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định.
- Ban kiểm tra tư cách cổ đông thực hiện:

▪ Kiểm tra tư cách cổ đông hoặc Đại diện theo ủy quyền đến dự họp: Kiểm tra Giấy tờ tùy thân (CCCD/Hộ chiếu); Thư mời; Giấy ủy quyền (nếu có);

▪ Báo cáo trước đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội trước khi Đại hội được chính thức tiến hành.

- Trường hợp người đến tham dự Đại hội không có đầy đủ tư cách tham dự Đại hội thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối cấp Phiếu biểu quyết.
- Ban Kiểm tra tư cách cổ đông có quyền thành lập bộ phận giúp việc để hoàn thành nhiệm vụ của Ban.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm phiếu.

- Ban kiểm phiếu gồm một (01) Trưởng ban và một hoặc một số thành viên khác do Đại hội biểu quyết thông qua.
- Ban kiểm phiếu có các nhiệm vụ sau:

▪ Xác định kết quả biểu quyết/bầu cử của cổ đông tại Đại hội.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát việc biểu quyết/bầu cử của các cổ đông hoặc người đại diện tham dự Đại hội; Tổng hợp kết quả biểu quyết/bầu cử, lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả trước đại hội.
- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban kiểm phiếu phải làm việc trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả biểu quyết.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội và Đoàn chủ tịch

- Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa Đại hội. Đoàn Chủ tịch gồm 01 Chủ tọa và một số thành viên do Đại hội biểu quyết thông qua, có chức năng điều hành Đại hội; trong đó Chủ tọa là người chủ trì Đại hội.
- Đoàn Chủ tịch có trách nhiệm điều hành Đại hội theo đúng nội dung chương trình Đại hội và Quy chế đã được Đại hội thông qua; hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến và tổ chức biểu quyết đối với các vấn đề trong chương trình cũng như các vấn đề liên quan phát sinh trong suốt quá trình diễn ra Đại hội.
- Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều hành Đại hội một cách hợp lý, trật tự, đúng chương trình đã được thông qua, đồng thời phản ánh được ý chí và nguyện vọng của đa số cổ đông tham dự Đại hội.
- Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục tiến hành Đại hội hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình Đại hội có giá trị quyết định cuối cùng.
- Chủ tọa có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, đồng thời có quyền yêu cầu rời khỏi Đại hội đối với những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự hoặc cản trở việc tiến hành Đại hội.
- Chủ tọa có quyền hoãn Đại hội đến thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:

▪ Hành vi của những người tham dự cản trở hoặc có khả năng cản trở việc điều hành cuộc họp một cách trật tự;

▪ Việc hoãn Đại hội là cần thiết nhằm bảo đảm các công việc của Đại hội được tiến hành đúng quy định và hợp lệ.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ Ban thư ký

- Ban Thư ký gồm một (01) Trưởng ban và một hoặc một số thành viên do Chủ tọa chỉ định và được Đại hội biểu quyết thông qua.
- Ban thư ký thực hiện các công việc theo phân công của Chủ tọa, cụ thể như sau:

▪ Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông/đại diện cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại hội.

- Dự thảo Biên bản và Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.
- Các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa.

Điều 8. Tiến hành Đại hội

Đại hội được tiến hành khi có số cổ đông tham dự Đại hội đại diện trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông được lập khi quyết định triệu tập Đại hội.

Điều 9. Biểu quyết tại Đại hội:

Việc biểu quyết thông qua các nội dung trong Đại hội được thực hiện theo quy định cụ thể tại *"Thể lệ biểu quyết"*.

Điều 10. Bầu cử bổ sung Hội đồng quản trị

Việc bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị Công ty thực hiện theo *"Quy chế bầu cử bổ sung Hội đồng quản trị"* do Hội đồng quản trị xây dựng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 11. Biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- Tất cả nội dung tại Đại hội phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.
- Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết của đại hội.
- Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề đã được Đại hội thông qua.

Điều 12. Hiệu lực của Quy chế

Quy chế này gồm 12 Điều được đọc công khai trước khi tiến hành Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 tổ chức vào ngày 24/4/2026 và có hiệu lực thi hành ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoàng Xuân Thành

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày tháng 4 năm 2026

THỂ LỆ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na. Để đảm bảo sự thành công của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, tất cả các vấn đề trong chương trình Đại hội đồng cổ đông đều phải được thông qua dưới hình thức biểu quyết công khai của tất cả cổ đông tham dự Đại hội, cụ thể như sau:

I. HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT

Cổ đông/Người được ủy quyền, người Đại diện cổ đông thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na được biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết và bỏ Phiếu biểu quyết. Cổ đông/người được ủy quyền khi làm thủ tục đăng ký tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức cung cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có in sẵn Tên cổ đông và số cổ phần sở hữu.

1. Thẻ biểu quyết:

Cổ đông biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết công khai tại Đại hội đối với các nội dung như: Thông qua nhân sự Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu; Nội dung chương trình làm việc của Đại hội; Quy chế Đại hội; Thể lệ biểu quyết; Biên bản - Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết 03 lần theo trình tự: **"Tán thành"** hoặc **"Không tán thành"** hoặc **"Ý kiến khác"**.

2. Phiếu biểu quyết:

- Đối với các nội dung khác cần lấy ý kiến biểu quyết của Đại hội (trừ các nội dung đã nêu tại điểm 1) sẽ được cổ đông biểu quyết thông qua bằng hình thức Phiếu biểu quyết. Phiếu biểu quyết được ghi rõ các nội dung cần biểu quyết, cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu lựa chọn vào 1 trong 3 ô: **"Tán thành"** hoặc **"Không tán thành"** hoặc **"Không có ý kiến"**, đối với từng nội dung trong Phiếu biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết hợp lệ là Phiếu có đóng dấu treo của Công ty, có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông hoặc người được ủy quyền hợp lệ, biểu quyết có đánh dấu lựa chọn chỉ vào 1 trong 3 ô đối với từng nội dung biểu quyết.

- Phiếu biểu quyết không hợp lệ là: Phiếu không có đóng dấu treo của Công ty; Phiếu không có chữ ký của cổ đông/đại diện cổ đông hoặc người được ủy quyền hợp lệ; Biểu quyết có đánh dấu lựa chọn vào nhiều hơn 1 ô đối với một nội dung biểu quyết hoặc không đánh dấu lựa chọn vào ô biểu quyết nào; Phiếu bị gạch xóa, sửa chữa; Phiếu bị tách rời, không còn nguyên vẹn; Phiếu ghi thêm những thông tin khác, thêm ký hiệu.

II. NGUYÊN TẮC THÔNG QUA

Các nội dung biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi đạt tỷ lệ số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông/đại diện cổ đông tham dự Đại hội chấp thuận theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoàng Xuân Thành

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN HỦA NA

Số: 264 /BC-HHC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 10 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2025

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CHUNG

1. Cơ cấu Hội đồng quản trị năm 2025

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na (HĐQT) cơ cấu như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ TV độc lập HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	21/4/2023	
2	Bùi Huy Thành	Thành viên HĐQT, Giám đốc	01/01/2023	
3	Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên HĐQT	21/4/2023	21/01/2025
4	Lê Hải Long	Thành viên HĐQT	21/4/2023	
5	Nguyễn Thu Hạnh	Thành viên HĐQT	21/01/2025	
6	Vũ Văn Tâm	Thành viên độc lập HĐQT	21/4/2023	

Các thành viên HĐQT kiêm nhiệm và thành viên độc lập HĐQT đều đang nắm giữ các cương vị lãnh đạo ở các Cổ đông và có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản trị doanh nghiệp, quản lý chỉ đạo sản xuất kinh doanh và đầu tư.

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025.

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na, trong năm 2025 hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty như sau:

2.1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2025, HĐQT Công ty đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ hằng quý để giải quyết công việc theo thẩm quyền.

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025 theo hình thức trực tiếp vào ngày 21/01/2025; Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 theo hình thức trực tiếp vào ngày 17/4/2025.

- Bên cạnh các cuộc họp HĐQT định kỳ theo Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định của pháp luật, HĐQT đã chủ trì, đồng chủ trì nhiều cuộc họp quan trọng theo các chuyên đề liên quan đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư, … của Công ty. Tham dự các cuộc họp giao ban với Ban Giám đốc, các Trưởng phòng/Phân xưởng của Công ty để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư, đồng thời có những chỉ đạo giải quyết, xử lý công việc trực tiếp tại cuộc họp.

- Tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ của Công ty.

- Các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và các cuộc họp khác khi thành phần tham gia có thành viên HĐQT. Khi không thể tham gia các cuộc họp, thành viên HĐQT vắng mặt cho ý kiến, biểu quyết bằng phiếu lấy ý kiến, qua email, điện thoại.

2.2. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị

Trong năm 2025, HĐQT Công ty đã ban hành 13 Nghị quyết và 59 Quyết định. Các Nghị quyết/Quyết định được ban hành tại các cuộc họp và theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản đối với các thành viên Hội đồng quản trị để quản lý, quản trị, điều hành hoạt động của Công ty *(Danh mục Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2025 đính kèm).*

Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty được ban hành phù hợp với các quy chế, quy định của Nhà nước và Điều lệ Công ty để kịp thời chỉ đạo, giám sát điều hành các hoạt động của Ban giám đốc, cán bộ quản lý.

2.3. Các hoạt động thường xuyên của HĐQT

Năm 2025, Hội đồng quản trị đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát Giám đốc trong các hoạt động cụ thể:

- Luôn theo dõi sát sao các hoạt động của Giám đốc, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện cho hoạt động điều hành của Ban Giám đốc Công ty.

- Yêu cầu Giám đốc tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty.

- Quyết định, xem xét phương án sản xuất kinh doanh của Công ty từng quý, kịp thời đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch đồng thời đưa ra định hướng, giải pháp để thực hiện mục tiêu kế hoạch cả năm 2025.

- Chỉ đạo Giám đốc và các bộ phận tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp như: Giải pháp kỹ thuật nhằm ổn định công tác vận hành nhà máy, công tác bảo dưỡng sửa chữa, kết hợp với Quản lý tài chính, Quản lý thiết bị, vật tư, nguồn nhân lực,… đảm bảo hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.

- Chỉ đạo tổ chức các hoạt động phong trào nâng cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, chia sẻ khó khăn, cùng nhau phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ trong năm 2025.

- Hội đồng quản trị đưa ra định hướng đúng, các giải pháp khoa học và kịp thời để chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trong năm, đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông cũng như các cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm tra kiểm soát.

- Xem xét các báo cáo, đánh giá cùng các kiến nghị của Ban kiểm soát về hoạt động của Công ty.

3. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị chưa thành lập tiểu ban thuộc HĐQT.

4. Lương, thù lao, các khoản lợi ích và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2025

4.1. Lương, thù lao, các khoản lợi ích.

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tháng	Tổng thu nhập (VNĐ)
1	Hoàng Xuân Thành	CT HĐQT	12	1.383.346.332
2	Bùi Huy Thành	TV HĐQT, Giám đốc	12	1.348.988.627
3	Lê Hải Long	TV HĐQT không điều hành	12	158.000.000
4	Nguyễn Thu Hạnh	TV HĐQT không điều hành	12	124.000.000
5	Vũ Văn Tâm	TV độc lập HĐQT	12	158.000.000
	TỔNG CỘNG			**3.172.334.959**

4.2. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị là: 796.515.208 đồng.

5. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

5.1. Giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó:

- Giao dịch giữa Công ty với Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – CTCP (PV Power) là người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện phần vốn của PV Power tại Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na như sau:

+ Trong năm 2025 phát sinh giao dịch trả phí bảo lãnh với giá trị là 27.272.727 đồng.

+ Trong năm 2025 phát sinh giao dịch chi trả cổ tức với giá trị là 189.872.760.000 đồng.

- Giao dịch giữa Công ty (công ty con của PV Power) với Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam: Trong năm 2025 phát sinh giao dịch về trả phí dịch vụ nhãn hiệu với giá trị là 2.986.401.444 đồng.

5.2. Giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: *Không có*

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CỦA HĐQT NĂM 2025

1. Công tác sản xuất kinh doanh

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Thực hiện/Kế hoạch
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(5)/(4)*
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	685,28	1.050,68	153%
-	*Nhà máy thủy điện Hủa Na*	*Tr.kWh*	625,28	966,28	155%
-	*Nhà máy thủy điện Nậm Nơn*	*Tr.kWh*	60,00	84,40	141%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	828,70	1.172,95	142%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	633,62	671,65	106%
4	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	195,08	501,31	257%
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	185,33	475,81	257%
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	199,06	222,41	112%
7	Giá thành	đ/kWh	924,60	638,23	69%
8	Tỷ lệ chia cổ tức (10%)	Tỷ đồng	235,23	235,23	100%

2. Công tác quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và bảo trì công trình xây dựng

- Công tác quản lý vận hành: Nhà máy thủy điện Hủa Na, Nhà máy thủy điện Nậm Nơn được vận hành an toàn, không có sự cố bất thường xảy ra, đáp ứng nhu cầu huy động của hệ thống điện Quốc gia. Đội ngũ CBCNV thực hiện đúng quy trình và các yêu cầu kỹ thuật, an toàn trong quá trình vận hành.

- Công tác sửa chữa thường xuyên: Đội ngũ cán bộ, công nhân viên thường xuyên kiểm tra và tự tổ chức thực hiện trong suốt quá trình vận hành, công tác bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên đạt yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng, đảm bảo nhà máy luôn khả dụng vận hành tin cậy và an toàn.

- Công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ: Năm 2025, Công ty đã thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ (đại tu) Nhà máy thủy điện Hủa Na đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và an toàn trong quá trình thực hiện. Sau kỳ bảo dưỡng nhà máy hoạt động hiệu quả.

- Công tác bảo trì công trình xây dựng được thực hiện theo quy định đảm bảo an toàn các hạng mục công trình trong quá trình sản xuất kinh doanh. Toàn bộ các trang thiết bị, công trình, hạng mục công trình, đập, nhà máy luôn được kiểm tra, giám sát đảm bảo vận hành an toàn.

3. Công tác đầu tư

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện khảo sát, đánh giá hiện trạng một số dự án như Nhà máy thủy điện Nậm Sum 3; dự án thuỷ điện Thông Thụ; Dự án Điện gió Chư Pơng; dự án thủy điện Hủa Na mở rộng; dự án điện mặt trời tại khu vực thủy điện Hủa Na; …. Công ty đang tiếp tục tìm kiếm, khảo sát và đánh giá các dự án khác phù hợp với tình hình hiện tại của Công ty để có chiến lược đầu tư hiệu quả.

4. Công tác thực hiện dịch vụ ngoài và bán chứng chỉ I-REC

- Dịch vụ ngoài: Năm 2025, Công ty đã ký hợp đồng tham gia sửa chữa lớn thiết bị Nhà máy thủy điện Nậm Toóng và ký hợp đồng Cung cấp dịch vụ hỗ trợ, phụ trợ phục vụ công tác thí nghiệm Hệ thống điều khiển – bảo vệ - giám sát tổ 1 & các hệ thống đo lường - tín hiệu - điều khiển của hệ thống phụ trợ, tự dùng nhà máy, tổ máy thuộc dự án Nhà máy thủy điện Hòa Bình mở rộng với tổng giá trị khoảng 1,38 tỷ đồng.

- Chứng chỉ I-REC: Năm 2025, Công ty đã bán được 260.388 RECs đối với sản lượng còn lại của năm 2024 và năm 2025 với tổng giá trị là 28.907,66 USD.

5. Công tác lao động tiền lương, đào tạo, an sinh xã hội, an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ và ATVSMT.

5.1. Công tác lao động tiền lương:

- Tổng số CBCNV bình quân năm 2025 là: 140 người. Trong đó: 116 nam và 24 nữ.

- Thu nhập bình quân của người lao động năm 2025 là: 30,758 triệu đồng/người/tháng.

5.2. Công tác đào tạo: Năm 2025, Công ty đã tổ chức các lớp đào tạo chuyên sâu chuyên ngành, đào tạo phục vụ sản xuất kinh doanh, cấp chứng chỉ, hội thảo,... cho CBCNV Công ty với tổng giá trị 1.415,56 triệu đồng. Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được Công ty thực hiện bám sát theo kế hoạch, các lớp học, khóa học được bố trí thời gian phù hợp, CBCNV tham gia đầy đủ, đảm bảo chất lượng, đáp ứng với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.3. Công tác an sinh xã hội: Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện công tác an sinh xã hội đối với cộng đồng địa phương với giá trị 2.134,5 triệu đồng.

5.4. Công tác an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ và ATVSMT: Thực hiện tốt công tác phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan Công an trong việc đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn; Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ, phòng chống cháy nổ và an toàn vệ sinh môi trường. Trong năm 2025, Công ty không để xảy ra các vụ việc mất an ninh trật tự và sự cố cháy nổ và mất an toàn vệ sinh môi trường.

6. Tình hình tài chính

6.1. Các chỉ tiêu chính

TT	Chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024	% 2025/2024
1	**Tài sản ngắn hạn**	**881.300.843.451**	**624.846.648.003**	**141,04%**
-	Tiền và các khoản tương đương tiền	322.092.548.755	416.932.431.896	77,25%
-	Đầu tư tài chính ngắn hạn	360.000.000.000	0	
-	Các khoản phải thu ngắn hạn	177.625.079.723	131.901.447.943	134,66%
-	Hàng tồn kho	19.395.390.227	20.863.838.125	92,96%
-	Tài sản ngắn hạn khác	2.187.824.746	55.148.930.039	3,97%
2	**Tài sản dài hạn**	**3.088.130.306.540**	**3.387.292.464.364**	**91,17%**
-	Tài sản cố định	3.020.263.459.442	3.324.886.412.427	90,84%
-	Tài sản dở dang dài hạn	63.100.393.566	56.556.578.932	111,57%
-	Tài sản dài hạn khác	4.766.453.532	5.849.473.005	81,49%
	Tổng tài sản (1+2)	**3.969.431.149.991**	**4.012.139.112.367**	**98,94%**
3	**Nợ phải trả**	**502.598.636.497**	**767.292.194.485**	**65,50%**
-	Nợ ngắn hạn	175.118.446.941	365.447.555.147	47,92%
-	Nợ dài hạn	327.480.189.556	401.844.639.338	81,49%

6.2. Tài sản: Tính đến 31/12/2025 tổng tài sản của Công ty là hơn 3.969 tỷ đồng, giảm so với năm 2024. Trong đó tài sản ngắn hạn tăng 41,04%, tài sản dài hạn giảm 8,83%. Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, tiền và các khoản tương đương tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng khá lớn 77,40%, đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn cho Công ty.

6.3. Nợ phải trả: Đến thời điểm 31/12/2025, các khoản nợ phải trả của Công ty là hơn 502 tỷ đồng, giảm so với năm 2024, chủ yếu là nợ liên quan tới mua nhà máy Thuỷ điện Nậm Nơn, cụ thể là: dư nợ dài hạn NH TMCP Ngoại thương Việt Nam 367,92 tỷ đồng. Trong năm 2025, Công ty không phát sinh các khoản nợ quá hạn và chậm thanh toán.

(Chi tiết xem Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán)

III. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT/THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Trong năm 2025, các Thành viên Hội đồng quản trị/Thành viên độc lập Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể:

1. Ông Hoàng Xuân Thành - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngoài việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Chủ tịch HĐQT còn chịu trách nhiệm chỉ đạo chung trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HĐQT quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quy chế làm việc của Hội đồng quản trị và các văn bản pháp luật khác liên quan.

Trực tiếp phụ trách các lĩnh vực: Nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn; dự án đầu tư quy mô lớn; công tác quản lý vốn, tài sản công ty; Công tác sắp xếp, đổi mới và phát triển doanh nghiệp; Công tác cổ phần, cổ phiếu, quan hệ cổ đông, hợp tác đối ngoại; Công tác tổ chức bộ máy, công tác nhân sự và đào tạo, thi đua khen thưởng của Công ty; Công tác tài chính kế toán, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

2. Ông Bùi Huy Thành - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty.

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên HĐQT, Giám đốc quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Bùi Huy Thành đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, sát sao trong quản lý; chỉ đạo, điều hành, thực hiện nhiệm vụ một các trung thực, cẩn trọng, hiệu quả; đưa ra những giải pháp, quyết sách kịp thời, định hướng đúng đắn nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông và sự phát triển bền

vững của Công ty; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Thành viên HĐQT, Giám đốc quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật.

3. Ông Nguyễn Xuân Sơn - Thành viên HĐQT, Phó giám đốc

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên HĐQT, quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Nguyễn Xuân Sơn đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật. Trực tiếp phụ trách lĩnh vực: Xây dựng các quy chế và quy định quản lý nội bộ; Các chế độ chính sách đối với người lao động, định mức lao động, tiền lương; công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Công ty. Ông Nguyễn Xuân Sơn đã được Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT từ ngày 21/01/2025.

4. Ông Lê Hải Long – Thành viên Hội đồng quản trị

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị, quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Lê IIải Long đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, sát sao trong quản lý; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật.

5. Bà Nguyễn Thu Hạnh - Thành viên Hội đồng quản trị (được Đại hội đồng cổ đông bầu từ ngày 21/01/2025).

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị, quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, bà Nguyễn Thu Hạnh đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, sát sao trong quản lý; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật.

6. Ông Vũ Văn Tâm - Thành viên độc lập Hội đồng quản trị:

Thực hiện chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ông Vũ Văn Tâm đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và cho ý kiến bằng văn bản đối với các vấn

đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị với tinh thần trách nhiệm cao, sát sao trong quản lý; thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật.

IV. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

1. Các cuộc họp của HĐQT

Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện theo các trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT; các thông báo mời họp, hồ sơ, tài liệu đã được gửi đến các thành viên HĐQT dự họp để tham khảo, nghiên cứu theo quy định. Nội dung các cuộc họp bao quát đầy đủ các chủ đề liên quan đến hoạt động của Công ty, được các thành viên HĐQT chủ động thảo luận, đánh giá đầy đủ và thận trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty. Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập với đủ chữ ký của các thành viên HĐQT và Thư ký cuộc họp theo đúng hình thức quy định của pháp luật.

2. Giám sát Giám đốc và các thành viên khác trong Ban điều hành

- HĐQT Công ty đã thực hiện tốt việc giám sát công tác điều hành của Ban điều hành, có sự phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành để đưa ra các quyết định, chính sách kịp thời, đúng đắn đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật.

- Các quyết sách của Ban điều hành được phân tích, phản biện và tham vấn từ HĐQT nhằm có các giải pháp tối ưu cho lợi ích của Công ty.

3. Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT

- Năm 2025, HĐQT Công ty đã hoạt động tuân thủ quy định của pháp luật, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Điều lệ, quy chế/quy định nội bộ của Công ty, sát sao trong chỉ đạo, điều hành và đã thực hiện được các mục tiêu đề ra tại ĐHĐCĐ thường niên; tăng cường giám sát, quản trị rủi ro để đem lại hiệu quả cho Công ty.

- HĐQT tôn trọng và tạo điều kiện để Ban kiểm soát Công ty thực hiện quyền kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý điều hành; Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát Công ty, HĐQT đã nghiên cứu và chỉ đạo Ban điều hành, các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

- HĐQT luôn lắng nghe và ghi nhận các ý kiến đóng góp của Thành viên độc lập HĐQT trong quá trình bàn thảo để đưa ra các quyết định chỉ đạo điều hành các hoạt động của Công ty.

V. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Với vai trò, trách nhiệm và quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và giám sát Giám đốc và người điều hành khác (gọi chung là Ban điều hành) trong các hoạt động cụ thể như sau:

- Hội đồng quản trị luôn theo dõi sát sao các hoạt động của Ban điều hành, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị nhằm tạo điều kiện cho hoạt động điều hành của Ban điều hành Công ty.

- Yêu cầu Giám đốc tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo thực hiện và thường xuyên báo cáo HĐQT về các hoạt động của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

Trong năm 2025, Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai và thực hiện tốt các nội dung theo Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị. Giám đốc đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty thông qua các chỉ tiêu kinh tế tài chính đã đạt được. Lợi nhuận từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh đã góp phần lích lũy được nguồn vốn, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp ngân sách nhà nước, ổn định thu nhập cho người lao động.

B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2026

I. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na đã được xây dựng với một số chỉ tiêu chính như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch SXKD 2026
1	Sản lượng điện thương mại	Tr.kw.h	721,8
-	Nhà máy thủy điện Hủa Na	Tr.kw.h	659,8
-	Nhà máy thủy điện Nậm Nơn	Tr.kw.h	62,0
2	Các chỉ tiêu tài chính		
2.1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	2.352,3
2.2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	895,9
-	Doanh thu phát điện	Tỷ đồng	879,3
+	Nhà máy thủy điện Hủa Na	Tỷ đồng	796,5
+	Nhà máy thủy điện Nậm Nơn	Tỷ đồng	82,8
-	Doanh thu tài chính + khác	Tỷ đồng	16,6

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch SXKD 2026
2.3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	667,2
2.4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	228,65
2.5	Thuế TNDN	Tỷ đồng	22,9
2.6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	205,8
-	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	%	8,75
3	Giá thành (bao gồm thuế phí)	đồng/kWh	924,5
4	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	209,3
5	Kế hoạch đầu tư và mua sắm TSCĐ, TTB	Tỷ đồng	91,6
6	Lao động	Người	143,0
7	Năng suất lao động bình quân	Tr.đ.ng/tháng	171,02
8	Tỷ lệ chia cổ tức (15%)	Tỷ đồng	352,85

2. Công tác quản lý vận hành và bảo dưỡng sửa chữa.

- Tổ chức quản lý vận hành Nhà máy thủy điện Hủa Na, Nhà máy thủy điện Nậm Nơn đảm bảo luôn khả dụng, vận hành ổn định và an toàn. Đáp ứng yêu cầu huy động nguồn của Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia (NSMO) và Trung tâm Điều độ hệ thống điện miền Bắc.

- Thực hiện công tác tổ chức thực hiện sửa chữa định kỳ Nhà máy thủy điện Hủa Na năm 2026, Nhà máy thủy điện Nậm Nơn đảm bảo yêu cầu chất lượng, kỹ thuật, tiến độ và an toàn phù hợp với kế hoạch sửa chữa được duyệt/thông qua; tăng cường kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên nhà máy thủy điện Hủa Na, thủy điện Nậm Nơn.

3. Công tác tài chính.

- Thực hiện kiểm soát chặt chẽ chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Cân đối dòng tiền đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời nợ gốc và lãi vay Ngân hàng, hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, hoàn thành chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện công tác đàm phán, làm việc với NSMO/NSO và EPTC để thu hồi tiền bán điện kịp thời.

4. Công tác đầu tư phát triển

- Tổ chức triển khai các dự án đầu tư xây dựng đã được phê duyệt; thực hiện đầy đủ công tác chuẩn bị đầu tư các dự án trong giai đoạn nghiên cứu cơ hội đầu tư. Tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án thủy điện vừa và nhỏ, các dự án năng lượng tái tạo trong và ngoài nước phù hợp với xu thế chuyển dịch năng lượng nhằm mở rộng quy mô, phát triển Công ty bền vững. Chỉ đầu tư khi dự án được đánh giá khả thi, có hiệu quả tài chính.

5. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng

- Chú trọng và tích cực tham gia những hoạt động nhằm hướng tới mục tiêu trách nhiệm xã hội.

- Luôn duy trì, thường xuyên thực hiện các hoạt động an sinh xã hội như: Quyên góp giúp đỡ đồng bào bị thiên tai, tham gia ủng hộ các quỹ tương trợ hoàn cảnh khó khăn; Tham gia các chương trình xây dựng các công trình nhà cho người nghèo, trường học tại vùng sâu, vùng xa, ...

- Tích cực trong công tác bảo vệ môi trường và tham gia các sự kiện về môi trường như: giờ trái đất, ngày môi trường thế giới, ...

II. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2026

1. Thực hiện tốt các điều kiện vận hành các nhà máy

- Căn cứ tình hình thực tế và dự báo thủy văn để có kế hoạch chào giá trong thị thường điện và vận hành các tổ máy trong thị trường phát điện cạnh tranh để đạt doanh thu tối ưu.

- Chuẩn bị đầy đủ vật tư và vật tư dự phòng để phục vụ sửa chữa và sự cố. Phối hợp chặt chẽ với đơn vị bảo dưỡng, sửa chữa để có biện pháp xử lý kịp thời mọi tình huống bất thường xảy ra, đảm bảo hạn chế mức thấp nhất sự cố.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ.

- Lập và triển khai kế hoạch phòng chống lụt, bão năm 2026 nhằm ứng phó kịp thời với tình hình phức tạp của mưa lũ, đảm bảo an toàn công trình và tính mạng con người.

2. Tăng cường phát triển nguồn nhân lực

- Tăng cường thực hiện các công tác đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, khuyến khích tạo điều kiện cho CBCNV tích cực tham gia các hội thảo, chuyên đề nghiên cứu, cải tiến trong sản xuất để đảm bảo vận hành các nhà máy an toàn, ổn định giảm tối đa thời gian dừng máy do sửa chữa và sự cố; nâng cao năng lực quản lý của Công ty; tuân thủ các quy định của Nhà nước, Tập đoàn/Tổng công ty và Công ty.

- Đưa ra các chính sách khen thưởng động viên kịp thời đối với những công nhân viên ưu tú, nhiệt tình, tích cực học tập, có sáng kiến, đưa lại hiệu quả cao.

3. Tăng cường công tác quản lý tài chính

- Tăng cường kiểm soát chi phí/giá thành, rà soát thường xuyên định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí phù hợp với thực tế và thực hành tiết kiệm.

- Tăng cường công tác quản lý vốn, tài sản hợp lý có hiệu quả; công tác quản lý công tác đầu tư, mua sắm. Đảm bảo cân đối dòng tiền, chủ động thu xếp nguồn vốn đảm bảo đủ, đáp ứng cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và đầu tư.

4. Tăng cường công tác quản trị

- Tiếp tục thực hiện rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ để nâng cao năng lực quản lý, quản trị doanh nghiệp.

- Nâng cao quản trị tài chính và giám sát nội bộ; quản lý dòng tiền, mua sắm, tồn kho và các khoản phải thu, bảo đảm sử dụng vốn đúng mục đích, an toàn và hiệu quả. Tăng cường kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; tối ưu cơ cấu tổ chức và nâng cao năng suất lao động

- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số trong quản trị, điều hành doanh nghiệp, và công tác quản lý vận hành các Nhà máy.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua!

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban điều hành;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu HĐQT, VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

S.Đ.K.K.D:2900797430 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN HỦA NA
H.QUỲ PHONG-T.NGHỆ AN

Hoàng Xuân Thành

DANH MỤC

NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

(Kèm theo Báo cáo số 264/BC-HHC-HĐQT ngày 10/3/2026 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na)

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/QĐ-HHC-HĐQT	10/01/2025	Phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025 của Bộ phận kiểm toán nội bộ Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na	100%
2	02/QĐ-HHC-HĐQT	10/01/2025	Phê duyệt dự toán chi phí kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu và dự toán gói thầu bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ hệ thống thiết bị NMTĐ Hủa Na năm 2025 (đại tu)	100%
3	03/QĐ-HHC-HĐQT	21/01/2025	Chi quỹ thưởng của người quản lý Công ty nhận dịp Tết nguyên đán Ất Tỵ năm 2025	100%
4	05/QĐ-HHC-HĐQT	22/01/2025	Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung hồ sơ thiết kế và dự toán xây dựng đường giao thông và san tạo mặt bằng khu 3	100%
5	06/NQ-HHC-HĐQT	04/02/2025	Thông qua việc giải toả số cổ phiếu còn lại bị hạn chế chuyển nhượng trong đợt niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp HCM	100%
6	07/NQ-HHC-HĐQT	12/02/2025	Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na	100%
7	08/QĐ-HHC-HĐQT	20/02/2025	Phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na	100%
8	09/QĐ-HHC-HĐQT	21/02/2025	Phê duyệt bổ sung danh sách các Tổ chức tín dụng được Công ty lựa chọn để thực hiện tiền gửi	100%
9	10/QĐ-HHC-HĐQT	21/02/2025	Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ hệ thông thiết bị Nhà máy thủy điện Hủa Na năm 2025.	100%

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
10	11/QĐ-HHC-HĐQT	24/02/2025	Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Nâng cấp cải tạo hệ thống giám sát ắc quy trực tuyến tại Nhà máy thủy điện Hủa Na	100%
11	12/NQ-HHC-HĐQT	25/02/2025	Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na	100%
12	13/QĐ-HHC-HĐQT	04/3/2025	Phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na giai đoạn 2021-2026	100%
13	14/QĐ-HHC-HĐQT	04/3/2025	Kiện toàn cơ cấu tổ chức Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na	100%
14	01-2025/NQ-HHC- HĐQT	13/3/2025	Nghị quyết cuộc họp định kỳ quý I năm 2025 của Hội đồng quản trị.	100%
15	15/QĐ-HHC-HĐQT	26/3/2025	Phê duyệt định biên nhân sự, kế hoạch điều động, luân chuyển và tuyển dụng nhận sự năm 2025 của Công ty	100%
16	16/QĐ-HHC-HĐQT	26/3/2025	Phê duyệt kế hoạch sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na	100%
17	17/QĐ-HHC-HĐQT	27/3/2025	Cử cán bộ công nhân viên Công ty đi công tác tại nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào	100%
18	18/QĐ-HHC-HĐQT	01/4/2025	Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng, kế khoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Xây dựng khuôn viên và trang bị nội thất khu nhà khách, nhà ở CBCNV tại nhà máy thủy điện Hủa Na	100%
19	19/NQ-HHC-HĐQT	11/4/2025	Thông qua chủ trương giới thiệu nhân sự để bổ nhiệm lại cán bộ	100%
20	20/QĐ-HHC-HĐQT	15/4/2025	Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Gia cố mương thoát nước khu vực bên trái mai cơ Hầm phụ 2	100%

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
21	21/QĐ-HHC-HĐQT	15/4/2025	Phê duyệt điều chỉnh dự toán phí bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ hệ thống thiết bị Nhà máy thủy điện Hủa Na chu kỳ từ năm 2021-2024	100%
22	23/QĐ-HHC-HĐQT	18/4/2025	Phê duyệt quyết toán phí bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ hệ thống thiết bị Nhà máy thủy điện Hủa Na chu kỳ từ năm 2021-2024	100%
23	24/QĐ-HHC-HĐQT	29/4/2025	Phê duyệt và ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các Phòng, Phân xưởng trong Công ty	100%
24	25/QĐ-HHC-HĐQT	07/5/2025	Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Xây dựng khuôn viên và trang bị nội thất khu nhà khách, nhà ở CBCNV tại nhà máy thủy điện Hủa Na	100%
25	26/QĐ-HHC-HĐQT	12/5/2025	Phê duyệt phương án kỹ thuật và dự toán chi phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Di chuyển, chăm sóc cây xanh và vệ sinh công nghiệp tại nhà máy thủy điện Hủa Na	100%
26	27/QĐ-HHC-HĐQT	13/5/2025	Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Gia cố mương thoát nước khu vực bên trái mái cơ Hầm phụ 2 và sửa chữa mái cơ nhà máy thủy điện Hủa Na	100%
27	28/QĐ-HHC-HĐQT	14/5/2025	Phê duyệt nội dung Phụ lục sửa đổi, bổ sung Hợp đồng chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Nậm Nơn công suất 20MW tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An	100%
28	29/QĐ-HHC-HĐQT	16/5/2025	Phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Đào mở rộng mặt thoáng kênh xả Nhà máy thủy điện Nậm Nơn	100%

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
29	30/QĐ-HHC-HĐQT	06/6/2025	Phê duyệt dự toán mua sắm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Cung cấp trang thiết bị; công cụ dụng cụ; vật tư, thiết bị sửa chữa thường xuyên đợt 1	100%
20	31/QĐ-HHC-HĐQT	06/6/2025	Quyết toán quỹ tiền lương năm 2024 và kế hoạch lao động, tiền lương năm 2025 của Công ty	100%
31	32/QĐ-HHC-HĐQT	16/6/2025	Phê duyệt và ban hành Quy chế thi đua, khen thưởng của Công ty	100%
32	33/QĐ-HHC-HĐQT	16/6/2025	Phê duyệt và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Ban liên lạc Hưu trí Công ty	100%
33	02-2025/NQ-HHC- HĐQT	20/6/2025	Nghị quyết cuộc họp định kỳ quý II năm 2025 của Hội đồng quản trị	100%
34	34/QĐ-HHC-HĐQT	25/6/2025	Phê duyệt dự toán kinh phí tổ chức hoạt động 6 tháng đầu năm 2025 của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình thủy điện Hủa Na	100%
35	35/QĐ-HHC-HĐQT	27/6/2025	Phê duyệt đơn vị cung cấp dịch vụ soát xét báo cáo tài chính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 và kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na	100%
36	36/QĐ-HHC-HĐQT	08/7/2025	Phê duyệt khái toán chi phí bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ hệ thống thiết bị Nhà máy thủy điện Hủa Na chu kỳ từ năm 2025-2028	100%
37	37/NQ-HHC-HĐQT	09/7/2025	Thông qua chủ trương bổ nhiệm chức vụ Quản đốc Phân xưởng Vận hành – Sửa chữa đối với ông Đặng Văn Hùng	100%
38	38/QĐ-HHC-HĐQT	10/7/2025	Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu: Cung cấp trang thiết bị; công cụ dụng cụ; vật tư, thiết bị sửa chữa thường xuyên đợt 1	100%

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
39	39/QĐ-HHC-HĐQT	18/7/2025	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp trang thiết bị; công cụ dụng cụ; vật tư thiết bị sửa chữa thường xuyên đợt 1	100%
40	40/QĐ-HHC-HĐQT	21/07/2025	Phê duyệt và ban hành Bộ định mức sửa chữa định kỳ Nhà máy thủy điện Hủa Na	100%
41	41/QĐ-HHC-HĐQT	05/8/2025	Phê duyệt và ban hành Quy chế sử dụng chữ ký điện tử trong Công ty	100%
42	42/NQ-HHC-HĐQT	05/8/2025	Thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2024	100%
43	43/QĐ-HHC-HĐQT	06/8/2025	Phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ thuộc thẩm quyền quản lý của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na giai đoạn 2021-2026	100%
44	44/QĐ-HHC-HĐQT	08/9/2025	Thành lập Tổ Sửa chữa cơ điện thuộc Phân xưởng Vận hành – Sửa chữa Nậm Nơn	100%
45	45/QĐ-HHC-HĐQT	10/9/2025	Phê duyệt chủ trương mua xe ô tô 29 chỗ mới và thanh lý xe ô tô 29 chỗ cũ của Công ty cổ phần thủy Hủa Na	100%
46	46/QĐ-HHC-HĐQT	11/9/2025	Phê duyệt phạm vi, chương trình, dự toán bảo hiểm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán gói thầu Bảo hiểm vận hành NMTĐ Hủa Na và NMTĐ Nậm Nơn, thời hiệu 2025-2026 và 2 năm thiếp theo	100%
47	47/QĐ-HHC-HĐQT	15/09/2025	Kiện toàn Hội đồng Thi đua - khen thưởng và kỷ luật của công ty	100%
48	48/NQ-HHC-HĐQT	26/9/2025	Nghị quyết thông qua chủ trương bổ nhiệm chức vụ Phó trưởng phòng Tổ chức – Hành chính đối với ông Lê Công Đoàn	100%
49	49/QĐ-HHC-HĐQT	26/9/2025	Điều chỉnh mức tiền lương hàng tháng của Người quản lý chuyên trách	100%

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
50	50/QĐ-HHC-HĐQT	03/10/2025	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và nội dung hợp đồng gói thầu Cung cấp xe ô tô 29 chỗ phục vụ công tác sản xuất kinh doanh của Công ty	100%
51	03-2025/NQ-HHC- HĐQT	10/10/2025	Nghị quyết cuộc họp định kỳ quý III năm 2025 của Hội đồng quản trị	100%
52	51/QĐ-HHC-HĐQT	22/10/2025	Phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản cố định của Công ty	100%
53	52/QĐ-HHC-HĐQT	22/10/2025	Phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với hệ thống điều khiển DCS tại Nhà máy thủy điện Hủa Na (Cấp độ 4)	100%
54	53/NQ-HHC-HĐQT	22/10/2025	Nghị quyết thông qua chủ trương bổ nhiệm chức vụ Phó quản đốc Phân xưởng Vận hành – Sửa chữa Nậm Nơn đối với ông Bùi Xuân Hòa	100%
55	54/QĐ-HHC-HĐQT	23/10/2025	Phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý, thực hiện công tác Văn thư, lưu trữ của Công ty	100%
56	55/QĐ-HHC-HĐQT	11/11/2025	Phê duyệt dự toán mua sắm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Cung cấp vật tư thiết bị dự phòng chiến lược của Công ty	100%
57	56/QĐ-HHC-HĐQT	21/11/2025	Phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý hoạt động mua sắm hàng hóa, dịch vụ, xây lắp phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty	100%
58	57/QĐ-HHC-HĐQT	24/11/2025	Thành lập Tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Bảo hiểm vận hành Nhà máy thủy điện Hủa Na và Nhà máy thủy điện Nậm Nơn thời hiệu 2025-2026	100%
59	58/QĐ-HHC-HĐQT	03/11/2025	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Bảo hiểm vận hành Nhà máy thủy điện Hủa Na và Nhà máy thủy điện Nậm Nơn thời hiệu 2025-2026	100%

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
60	59/QĐ-HHC-HĐQT	04/12/2025	Phê duyệt dự toán mua sắm, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Cung cấp vật tư thiết bị phục vụ công tác sửa chữa định kỳ hệ thống thiết bị nhà máy thủy điện Hủa Na năm 2025 (tiểu tu)	100%
61	60/NQ-HHC-HĐQT	08/12/2025	Thông qua chủ trương bổ nhiệm chức vụ Phó quản đốc Phân xưởng Vận hành – Sửa chữa Nậm Nơn đối với ông Nguyễn Văn Đồng	100%
62	61/QĐ-HHC-HĐQT	10/12/2025	Phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý và sử dụng vốn bằng tiền của Công ty	100%
63	04-2025/NQ-HHC- HĐQT	18/12/2025	Nghị quyết cuộc họp định kỳ quý IV năm 2025 của Hội đồng quản trị	100%
64	63/QĐ-HHC-HĐQT	19/12/2025	Sửa đổi Quy chế quản lý và sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi của Công ty	100%
65	64/QĐ-HHC-HĐQT	19/12/2025	Sửa đổi, bổ sung Quy chế Thi đua - Khen thưởng của Công ty	100%
66	65/QĐ-HHC-HĐQT	24/12/2025	Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Sửa chữa sạt lở đường vận hành VH4 và mái cơ Nhà máy thủy điện Hủa Na	100%
67	66/QĐ-HHC-HĐQT	24/12/2025	Phê duyệt Phương án kỹ thuật và dự toán chí phí, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu Cung cấp dịch vụ quan trắc lượng mưa và phần mềm hỗ trợ vận hành, điều tiết hồ chứa Nhà máy thủy điện Hủa Na thời hạn 2026-2027 và 02 năm tiếp theo	100%
68	67/QĐ-HHC-HĐQT	24/12/2025	Phê duyệt Định mức Kinh tế - Kỹ thuật của Nhà máy thủy điện Hủa Na năm 2026	100%

TT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
69	68/QĐ-HHC-HĐQT	24/12/2025	Phê duyệt Định mức Kinh tế - Kỹ thuật của Nhà máy thủy điện Nậm Nơn năm 2026	100%
70	69/QĐ-HHC-HĐQT	24/12/2025	Tạm phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na	100%
71	70/QĐ-HHC-HĐQT	25/12/2025	Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng, kế hoạch lựa chọn nhà thầu và dự toán gói thầu: Xây dựng văn phòng làm việc và hội trường tại nhà máy thủy điện Hủa Na	100%
72	71/QĐ-HHC-HĐQT	30/12/2025	Tạm phê duyệt quyết toán Quỹ tiền lương, tiền thưởng an toàn thực hiện năm 2025 của Người quản lý và Người lao động Công ty	100%

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN HỦA NA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Số: 265 /BC-HHC

Nghệ An, ngày 10 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
V/v: Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

Ban Giám đốc Công ty kính báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na với các nội dung như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2025

Các chỉ tiêu sản lượng điện, chỉ tiêu tài chính năm 2025 đạt được như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Thực hiện/Kế hoạch
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(5)/(4)*
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	685,28	1.050,68	153%
-	*Nhà máy thủy điện Hủa Na*	*Tr.kWh*	625,28	966,28	155%
-	*Nhà máy thủy điện Nậm Nơn (*)*	*Tr.kWh*	60,00	84,40	141%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	828,70	1.172,95	142%
-	Doanh thu bán điện	Tỷ đồng	822,93	1.152,16	140%
-	Doanh thu khác	Tỷ đồng	5,77	20,79	361%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	633,62	671,65	106%
-	Chi phí giá vốn	Tỷ đồng	553,96	597,42	108%
-	Chi phí tài chính	Tỷ đồng	29,27	28,02	96%
-	Chi phí quản lý	Tỷ đồng	50,39	45,81	90%
-	Chi phí khác	Tỷ đồng	-	0,39	
4	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	195,08	501,31	257%
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	185,33	475,81	257%
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	199,06	222,41	112%
7	Giá thành	đ/kWh	924,60	638,23	69%
8	Tỷ lệ chia cổ tức (10%)	Tỷ đồng	235,23	235,23	100%

Năm 2025 là năm có hiện tượng thủy văn đặc biệt bất thường, mưa bão nhiều trên diện rộng và trải dài trên khắp cả nước. Thủy văn trên lưu vực nhà máy thủy điện Hủa Na, Nậm Nơn cũng bị ảnh hưởng trực tiếp bởi các đợt bão (bão số 3-Wipha, 5-Kajiki, 10-Bualôi) và hoàn lưu sau bão gây mưa lớn trên thượng nguồn lưu vực và lưu vực hồ. Ban lãnh đạo Công ty đã luôn bám sát diễn biến tình hình thủy văn, cập nhật thông tin dự báo thời tiết thường xuyên, nên trước mùa mưa bão đã chỉ đạo tổ chức huy động toàn bộ lực lượng thực hiện các phương án và giải pháp ứng phó khi có thiên tai; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng ứng phó kịp thời. Kết quả trong và sau các đợt bão lũ đảm bảo an toàn tuyệt đối về người và tài sản, hai nhà máy hoạt động phát điện liên tục và ổn định. Tổng sản lượng điện thương mại đạt 1.050,68/685,28 triệu kWh, vượt 53% so với kế hoạch; tổng doanh thu đạt 1.172,95/828,70 tỷ đồng, vượt 42% so với kế hoạch; lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp đạt 501,31/195,08 tỷ đồng, đạt 257% so với kế hoạch; Công ty đã thực hiện nghĩa vụ nộp vào ngân sách nhà nước 222,41/199,45 tỷ đồng, vượt 12% so với kế hoạch năm.

(*) Đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh Nhà máy thủy điện Nậm Nơn sau một năm tiếp nhận chuyển nhượng.

Ngày 07/12/2024, Công ty đã chính thức tiếp nhận và quản lý, vận hành nhà máy thủy điện Nậm Nơn công suất 2x10MW tại xã Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Ngay sau khi tiếp nhận, Công ty đã khẩn trương ổn định cơ cấu tổ chức và triển khai các phương án, biện pháp để tăng hiệu suất các tổ máy, tối ưu hóa doanh thu và sản lượng. Kết quả đạt được như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Đánh giá của tư vấn	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ so sánh (%)
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	59,85	84,50	141%
2	Doanh thu (trước thuế, phí)	Tỷ đồng	70,92	89,72	126%
3	Chi phí (chưa bao gồm thuế, phí)	Tỷ đồng	84,83	86,70	102%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-13,91	3,02	
5	Giá bán điện bình quân	Đồng/kWh	1.184,96	1.063,03	90%

- Sản lượng và doanh thu: sản lượng điện thực tế vượt 41% so với số liệu tính toán của đơn vị tư vấn lựa chọn đánh giá. Mặc dù giá bán điện bình quân thấp hơn dự báo (chỉ đạt 90% do tình hình thủy văn chung), nhưng nhờ sự đột phá về sản lượng, tổng doanh thu vẫn vượt 26% so với kịch bản cơ sở. Điều này

chứng minh hiệu quả của việc điều tiết nguồn nước và duy trì trạng thái vận hành ổn định của các tổ máy, hiệu quả của các sáng kiến cải tiến kỹ thuật và công tác bảo trì, bảo dưỡng hệ thống thiết bị.

- Chi phí: mặc dù sản lượng tăng 41% so với dự báo, nhưng chi phí thực tế chỉ tăng nhẹ 2%. Điều này cho thấy Công ty đã thực hiện quản lý chi phí tiết kiệm và hiệu quả.

- Lợi nhuận: doanh thu tăng 26% do sản lượng tăng 41%, chi phí tăng 2% so với phương án của tư vấn, điều này dẫn đến lợi nhuận trước thuế đạt 3,02 tỷ đồng vượt 16,93 tỷ đồng so với phương án của tư vấn lập ra. Đây là minh chứng rõ nét nhất cho năng lực quản trị hiệu quả của Ban Lãnh đạo và đội ngũ chuyên môn sau khi tiếp quản nhà máy.

Dự án nhận chuyển nhượng nhà máy Thủy điện Nậm Nơn đã bước đầu thành công. Từ một dự án có hiệu suất khai thác thấp (60% so với công suất thiết kế). Ngay sau khi tiếp nhận, với các phương án cải tạo và các sáng kiến cải tiến, Công ty đã nâng công suất tổ máy lên 9,53%, các tổ máy phát vượt công suất định mức. Cùng với các giải pháp cải tạo kết hợp với quản lý vận hành linh hoạt, điều kiện thủy văn thuận lợi, sản lượng điện thương mại năm 2025 đã vượt các năm vận hành trước đây và đạt 94% sản lượng điện trung bình nhiều năm theo thiết kế. Tiếp nối kết quả đạt được, các năm tiếp theo, đội ngũ lãnh đạo cùng tập thể người lao động Công ty tiếp tục phát huy kinh nghiệm, sáng kiến cải tiến kỹ thuật đảm bảo các tổ máy luôn khả dụng, vận hành liên tục và an toàn, khai thác tối đa hiệu quả nguồn nước, tối ưu hóa doanh thu và lợi nhuận, tăng hiệu quả đầu tư như kỳ vọng của các Cổ đông.

2. Công tác quản lý vận hành, sửa chữa bảo dưỡng, bảo trì công trình xây dựng

2.1. Công tác quản lý vận hành: Nhà máy thủy điện Hủa Na, Nhà máy thủy điện Nậm Nơn được vận hành an toàn, không có sự cố bất thường xảy ra, đáp ứng nhu cầu huy động của hệ thống điện Quốc gia. Đội ngũ CBCNV thực hiện đúng quy trình và các yêu cầu kỹ thuật, an toàn trong quá trình vận hành.

2.2. Công tác sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên; bảo trì các hạng mục công trình xây dựng/thiết bị nhà máy: Kiểm tra định kỳ nhằm phát hiện kịp thời các dấu hiện bất thường, qua đó, thực hiện sửa chữa, thay thế linh kiện cần thiết để đảm bảo các hạng mục công trình và thiết bị luôn trong trạng thái hoạt động tốt, sẵn sàng phục vụ sản xuất; Thực hiện khơi thông hệ thống thoát nước, gia cố và cải tạo các hạng mục có nguy cơ mất an toàn nhằm đảm bảo hệ thống công trình và thiết bị vận hành ổn định, an toàn; Công ty đã chủ động triển khai các giải pháp phòng chống thiên tai theo phương châm "4 tại chỗ" gồm: chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, hậu cần tại chỗ và phương tiện tại chỗ, sau các đợt bão

lũ, các nhà máy hoạt động ổn định và an toàn tuyệt đối. Sau đợt mưa bão đã xảy các vị trí sạt lở nghiêm trọng, gây tắc nghẽn và cô lập đoạn đường lưu thông tới nhà máy, Công ty đã tổ chức xúc dọn và gia cố lại các vị trí sạt lở, các đoạn đường nhanh chóng được lưu thông an toàn.

2.3. Công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ: Năm 2025, Công ty đã thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ (đại tu) Nhà máy thủy điện Hủa Na đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và an toàn trong quá trình thực hiện. Sau kỳ bảo dưỡng nhà máy hoạt động hiệu quả.

3. Công tác tài chính

3.1. Công nợ đối với các tổ chức tín dụng.

Đến ngày 31/12/2025, dư nợ tại các tổ chức tín dụng của Công ty 401,38 tỷ đồng, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Tổ chức tín dụng/Ngân hàng	31/12/2025
1	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	8,48
2	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Quang Minh	24,98
3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam *(vay vốn đầu tư mua Nhà máy thủy điện Nậm Nơn)*	367,92
	TỔNG CỘNG	**401,38**

3.2. Công tác cân đối dòng tiền:

Cân đối dòng tiền đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời nợ gốc và lãi vay Ngân hàng, hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, hoàn thành chi trả cổ tức bằng tiền cho các cổ đông, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh.

3.3. Chia cổ tức cho các cổ đông:

Ngày 08/09/2025, Công ty đã hoàn thành chi trả cổ tức bằng tiền mặt mức 10% vốn điều lệ với tổng số tiền là 235,23 tỷ đồng cho các cổ đông theo đúng quy định; trong đó chia cổ tức cho Tổng công ty là 198,88 tỷ đồng.

4. Công tác đầu tư.

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện khảo sát, đánh giá hiện trạng một số dự án như Nhà máy thủy điện Nậm Sum 3; dự án thuỷ điện Thông Thụ; Dự án Điện gió Chư Pơng; dự án thủy điện Hủa Na mở rộng; dự án điện mặt trời tại khu vực thủy điện Hủa Na; …. Công ty đang tiếp tục tìm kiếm, khảo sát và đánh giá các dự án khác phù hợp với tình hình hiện tại của Công ty để có chiến lược đầu tư hiệu quả.

5. Công tác thực hiện dịch vụ ngoài và bán chứng chỉ I-REC

- Dịch vụ ngoài: Năm 2025, Công ty đã ký hợp đồng tham gia sửa chữa lớn thiết bị Nhà máy thủy điện Nậm Toóng năm 2025 và ký hợp đồng Cung cấp dịch vụ hỗ trợ, phụ trợ phục vụ công tác thí nghiệm Hệ thống điều khiển – bảo vệ - giám sát tổ 1 & các hệ thống đo lường - tín hiệu - điều khiển của hệ thống phụ trợ, tự dùng nhà máy, tổ máy thuộc dự án Nhà máy thủy điện Hòa Bình mở rộng với tổng giá trị khoảng 1,38 tỷ đồng.

- Chứng chỉ I-REC: Năm 2025, Công ty đã bán được 260.388 RECs đối với sản lượng còn lại của năm 2024 và năm 2025 với tổng giá trị là 28.907,66 USD.

6. Công tác lao động tiền lương, đào tạo, an sinh xã hội, an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ và ATVSMT.

6.1. Công tác lao động tiền lương:

- Tổng số CBCNV bình quân năm 2025 là: 140 người, Trong đó: 116 nam và 24 nữ.

- Thu nhập bình quân người lao động trong năm 2025 là: 30,758 triệu đồng/người/tháng.

6.2. Công tác đào tạo: Trong năm 2025, Công ty đã tổ chức các lớp đào tạo chuyên sâu chuyên ngành, đào tạo phục vụ sản xuất kinh doanh, cấp chứng chỉ, hội thảo,... cho CBCNV Công ty với tổng giá trị 1.415,56 tỷ đồng. Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được Công ty thực hiện bám sát theo kế hoạch, các lớp học, khóa học được bố trí thời gian phù hợp, CBCNV tham gia đầy đủ, đảm bảo chất lượng, đáp ứng với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

6.3. Công tác an sinh xã hội: Trong năm 2025, song hành cùng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, Công ty cũng đã thực hiện các vai trò, trách nhiệm với cộng đồng xã hội, nâng cao sự gắn kết với chính quyền sở tại, góp phần phát triển đời sống vật chất, tinh thần của người dân, đồng thời xây dựng hình ảnh nhân văn trong văn hóa doanh nghiệp thông qua những đóng góp vào công tác an sinh xã hội tại địa phương như: hỗ trợ địa phương tổ chức lễ hội, ngày kỷ niệm truyền thống; giúp đỡ, ủng hộ người nghèo tại địa phương đón Tết; tham gia chương trình thiện nguyện; hỗ trợ kinh phí sửa chữa, cải tạo nhà văn hóa cộng đồng xã; tài trợ kinh phí xây dựng nhà tình nghĩa cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả sau bão và các hoạt động khẩn cấp khác với giá trị 2.134,5 triệu đồng.

6.4. Công tác an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ và ATVSMT: Công ty thực hiện tốt công tác phối hợp với chính quyền địa phương và cơ quan Công an trong việc đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội trên địa bàn; Phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức huấn luyện nghiệp vụ công tác

bảo vệ, công tác phòng chống cháy nổ và an toàn vệ sinh môi trường. Trong năm 2025, Công ty không để xảy ra các vụ việc mất an ninh trật tự và sự cố cháy nổ và mất an toàn vệ sinh môi trường.

II. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026.

1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na đã được xây dựng với chỉ tiêu chính như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch SXKD 2026
1	Sản lượng điện thương mại	Tr.kw.h	721,8
-	Nhà máy thủy điện Hủa Na	Tr.kw.h	659,8
-	Nhà máy thủy điện Nậm Nơn	Tr.kw.h	62,0
2	Các chỉ tiêu tài chính		
2.1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	2.352,3
2.2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	895,9
-	Doanh thu phát điện	Tỷ đồng	879,3
+	Nhà máy thủy điện Hủa Na	Tỷ đồng	796,5
+	Nhà máy thủy điện Nậm Nơn	Tỷ đồng	82,8
-	Doanh thu tài chính + khác	Tỷ đồng	16,6
2.3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	667,2
2.4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	228,65
2.5	Thuế TNDN	Tỷ đồng	22,9
2.6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	205,8
-	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	%	8,75
3	Giá thành (bao gồm thuế phí)	đồng/kWh	924,5
4	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	209,3
4	Kế hoạch đầu tư và mua sắm TSCĐ, TTB	Tỷ đồng	91,6
6	Lao động	Người	143,0
7	Năng suất lao động bình quân	Tr.đ.ng/tháng	171,0
8	Tỷ lệ chia cổ tức (15%)	Tỷ đồng	352,85

2. Các nhiệm vụ trọng tâm khác.

- Công tác vận hành sản xuất: Tổ chức quản lý vận hành Nhà máy thủy điện Hủa Na, Nậm Nơn đảm bảo luôn khả dụng, vận hành ổn định và an toàn. Đáp ứng yêu cầu huy động nguồn của Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia và Trung tâm Điều độ hệ thống điện miền Bắc.

- Công tác thị trường điện: Bám sát thị trường điện cạnh tranh để xây dựng chiến lược chào giá hiệu quả; tập trung rà soát tối ưu chi phí để nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, quản trị tài chính đảm bảo dòng tiền cho sản xuất và hiệu quả sử dụng vốn.

- Bảo trì, đầu tư xây dựng: Tăng cường công tác quản lý bảo trì sửa chữa, đầu tư xây dựng các hạng mục/công trình đảm bảo tiến độ, chất lượng và an toàn.

- Quản trị rủi ro: Thường xuyên xác định, phân tích và đánh giá các yếu tố rủi ro; chủ động xây dựng phương án ứng phó, linh hoạt thích ứng với biến động để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và hiệu quả;

- Đầu tư dự án mới: Tiếp tục nghiên cứu, đầu tư phát triển các dự án điện mới, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của Công ty;

- Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và khoa học công nghệ: Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất kinh doanh; khai thác các giải pháp công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả, năng suất lao động.

- Thực hiện dịch vụ ngoài: Tiếp tục tìm kiếm, tăng cường thực hiện dịch vụ đào tạo vận hành, bảo dưỡng sửa chữa cho các nhà máy điện bên ngoài, mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh và nâng cao uy tín thương hiệu;

- Công tác An sinh xã hội: Tiếp tục thực hiện các chương trình an sinh xã hội, ưu tiên chia sẻ khó khăn với cộng đồng, tham gia xóa đói giảm nghèo tại địa phương, đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và gắn với hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Giải pháp hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2026, Công ty sẽ nỗ lực, quyết tâm, phát huy tối đa mọi nguồn lực, thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

2.1. Về công tác vận hành, sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục bám sát, phối hợp chặt chẽ với NSMO/NSO, EVN/EPTC trong quá trình vận hành để huy động tối đa công suất, đặc biệt là trong mùa mưa lũ; thoả thuận sản lượng điện hợp đồng (Qc) hàng tháng phù hợp, trên cơ sở hài hoà lợi ích giữa các bên để đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh; thanh toán tiền bán điện kịp thời để đảm bảo cân đối được dòng tiền phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Dự báo tốt tình hình khí tượng thuỷ văn trên lưu vực và diễn biến thị trường điện cạnh tranh để khai thác tối đa hiệu quả nguồn nước, tối ưu doanh thu và lợi nhuận.

- Tổ chức thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ hệ thống thiết bị nhà máy thủy điện Hủa Na đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn; Thường xuyên kiểm tra, đánh giá hệ thống thiết bị, tổ chức quản lý, vận hành đảm bảo độ khả dụng cao, vận hành an toàn, ổn định và tin cậy.

- Thực hiện tốt công tác an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng chống cháy nổ. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác vận hành, điều tiết hồ chứa theo đúng quy định của Quy trình vận hành hồ chứa và liên hồ chứa.

2.2. Về công tác tài chính.

- Rà soát, cân đối dòng tiền, thu hồi kịp thời tiền bán điện đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời chi trả nợ gốc và lãi vay đối với các Ngân hàng;

- Đẩy mạnh tiết giảm chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2.3. Về công tác quản trị, quản lý.

- Tập trung thực hiện số hóa quy trình quản lý kỹ thuật, ứng dụng nhật ký vận hành điện tử và hệ thống quản lý tài sản để tối ưu hóa vòng đời thiết bị.

- Thực hiện rà soát, sửa đổi/bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ cho phù hợp với các quy định và tình hình thực tế Công ty. Nâng cao công tác quản trị, quản lý sử dụng linh hoạt nguồn vốn. Tăng cường quản lý công tác mua sắm vật tư thiết bị, thực hiện các giải pháp giảm tồn kho nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng. Thường xuyên rà soát vật tư thay thế cho sửa chữa thường xuyên, sửa chữa định kỳ nhằm duy trì hàng tồn kho ở mức hợp lý đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2.4. Về công tác quản lý nguồn nhân lực.

- Tập trung đào tạo nâng cao phát triển nguồn nhân lực, tổ chức các lớp/khóa đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động, đào tạo chuyên sâu cho cán bộ công nhân viên, người quản lý, ưu tiên phương án tự đào tạo tại chỗ.

- Tổ chức phát động phong trào thi đua sản xuất kinh doanh, an toàn, vệ sinh, môi trường, tuyên truyền phổ biến để toàn thể cán bộ, công nhân viên triển khai thực hiện. Kịp thời phát hiện, bồi dưỡng, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc và nhân rộng các điển hình tiên tiến.

- Chăm lo đời sống cho người lao động, tăng cường các phong trào, hoạt động đoàn thể; tuyền truyền xây dựng và thực hiện văn hoá doanh nghiệp.

2.5. Về khoa học công nghệ.

Đẩy mạnh công tác ứng dụng khoa học công nghệ, nghiên cứu các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật để áp dụng vào thực tế, nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả sản xuất kinh doanh. Tạo cơ chế khuyến khích, động viên CBNV - NLĐ tích cực phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật và nghiên cứu khoa học; áp dụng mạnh mẽ, có hiệu quả chuyển đổi số vào công tác quản lý kỹ thuật và công tác quản trị.

Trên đây là báo cáo tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

Kính báo cáo Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua!

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Các Phó giám đốc (để t/h);
- Các Phòng/Phân xưởng (để t/h);
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Bùi Huy Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Nghệ An, ngày tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

V/v: Đánh giá của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

Căn cứ quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty và chức năng, nhiệm vụ của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị (HĐQT), tôi xin báo cáo đánh giá độc lập về hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2025 như sau:

1. Các cuộc họp của HĐQT

Các cuộc họp của HĐQT đã được triệu tập và thực hiện theo các trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT; các thông báo mời họp, hồ sơ, tài liệu đã được gửi đến các thành viên HĐQT dự họp để tham khảo, nghiên cứu theo quy định. Nội dung các cuộc họp bao quát đầy đủ các chủ đề liên quan đến hoạt động của Công ty, được các thành viên HĐQT chủ động thảo luận, đánh giá đầy đủ và thận trọng để đưa ra những định hướng, giải pháp tốt nhất cho Công ty. Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập với đủ chữ ký của các thành viên HĐQT và Thư ký cuộc họp theo đúng hình thức quy định của pháp luật.

2. Giám sát Giám đốc và các thành viên khác trong Ban điều hành

- HĐQT Công ty đã thực hiện tốt việc giám sát công tác điều hành của Ban điều hành, có sự phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành để đưa ra các quyết định, chính sách kịp thời, đúng đắn đảm bảo hoạt động của Công ty ổn định, an toàn, tuân thủ theo quy định của pháp luật.

- Các quyết sách của Ban điều hành được phân tích, phản biện và tham vấn từ HĐQT nhằm có các giải pháp tối ưu cho lợi ích của Công ty.

3. Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT

- Năm 2025, HĐQT Công ty đã hoạt động tuân thủ quy định của pháp luật, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Điều lệ, quy chế/quy định nội bộ của Công ty, sát sao trong chỉ đạo, điều hành và đã thực hiện được các mục tiêu đề ra tại ĐHĐCĐ thường niên; tăng cường giám sát, quản trị rủi ro để đem lại hiệu quả cho Công ty.

- HĐQT tôn trọng và tạo điều kiện để Ban kiểm soát Công ty thực hiện quyền kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý điều hành; Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát Công ty,

HĐQT đã nghiên cứu và chỉ đạo Ban điều hành, các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

- HĐQT luôn lắng nghe và ghi nhận các ý kiến đóng góp của Thành viên độc lập HĐQT trong quá trình bàn thảo để đưa ra các quyết định chỉ đạo điều hành các hoạt động của Công ty.

4. Kiến nghị và kết luận

4.1. Kiến nghị

- Tăng cường công tác quản trị rủi ro, đặc biệt trong bối cảnh thị trường năng lượng và điều kiện thủy văn có nhiều biến động.

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác giám sát việc thực hiện các nghị quyết, đảm bảo tính nhất quán giữa định hướng chiến lược và triển khai thực tế.

4.2. Kết luận

Trong năm 2025, mặc dù còn nhiều khó khăn, thách thức trong hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT Công ty đã thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, đoàn kết và phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành để triển khai hiệu quả các giải pháp quản trị, điều hành. HĐQT đã thực hiện tốt vai trò định hướng, giám sát và chỉ đạo, góp phần hoàn thành các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông giao, đảm bảo lợi ích của Công ty và cổ đông trên cơ sở tuân thủ pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như kg;
- Các TV HĐQT, BKS;
- Ban điều hành;
- Lưu VT, HĐQT

THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HĐQT

Vũ Văn Tâm

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN HỦA NA

Số: 03 /HHC-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 16 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO
CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026 TRÌNH ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

Kính gửi: Quý vị cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na.

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na;
- Quy chế hoạt động số 06/QĐ-BKS-HHC ngày 22/4/2021 của Ban kiểm soát;
- Nghị quyết số 22/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na.

Ban kiểm soát kính báo cáo Quý vị cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na, về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026 của Ban kiểm soát với những nội dung như sau:

I. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2025.

1. Nhân sự Ban kiểm soát:

Nhân sự Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na năm 2025, bao gồm các thành viên:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Thời gian
1	Võ Trung Chính	Trưởng BKS	Ngày 21/4/2023 được bầu với nhiệm kỳ 2023-2028
2	Lê Đình Hiệu	Kiểm soát viên	Ngày 21/4/2023 được bầu với nhiệm kỳ 2023-2028
3	Lê Vân Anh	Kiểm soát viên	Ngày 21/4/2023 được bầu với nhiệm kỳ 2023-2028

2. Phân công nhiệm vụ Ban kiểm soát:

2.1. Ông: Võ Trung Chính - Trưởng ban kiểm soát: Phụ trách chung.

- Giám sát Hội đồng quản trị và Giám đốc trong việc quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của công ty;
- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), họp Hội đồng quản trị (HĐQT) và các cuộc họp khác của công ty;

- Lập kế hoạch, triển khai công tác, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

2.2. Ông Lê Đình Hiệu - Thành viên ban kiểm soát:

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tài chính 06 tháng và hàng năm của công ty;

- Kiểm tra, kiểm soát, tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

- Kiểm tra, kiểm soát việc quản lý tài chính phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ của công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và do Trưởng ban kiểm soát phân công.

2.3. Bà Lê Vân Anh - Thành viên ban kiểm soát:

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của Báo cáo tình hình kinh doanh 06 tháng và hàng năm của công ty;

- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ;

- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm cho Công ty;

- Đánh giá tính hợp lý và hiệu quả trong việc thực hiện các dự án đầu tư mới của công ty;

- Kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ quy định công bố thông tin của Công ty;

- Xem xét hồ sơ và tài liệu liên quan đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông;

- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và do Trưởng ban kiểm soát phân công.

3. Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát:

Trên cơ sở quyền và nghĩa vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy

chế làm việc của Ban kiểm soát. Năm 2025, Ban kiểm soát Công ty đã tổ chức thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty về hoạt động của Ban kiểm soát; kết quả giám sát về tình hình hoạt động sản xuất; thẩm định Báo cáo tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty; kết quả giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

- Giám sát việc tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2025 của HĐQT và Giám đốc trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất năm 2025.

- Tổ chức các cuộc họp và làm việc trực tiếp tại Công ty về việc: Thẩm định Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025 của HĐQT; thẩm định Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024 và 6 tháng đầu năm 2025 của Giám đốc; thẩm định Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán và 6 tháng đầu năm 2025.

- Tham dự và tham gia thảo luận trong các cuộc họp ĐHĐCĐ, họp HĐQT và họp Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty thuộc phạm vi và trách nhiệm của Ban kiểm soát.

- Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025. Kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ quy định công bố thông tin của Công ty.

- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

- Kiểm tra, xem xét và đánh giá một số nội dung khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát:

Với kết quả hoạt động năm 2025, Ban kiểm soát đánh giá cụ thể như sau:

- Ban kiểm soát đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy chế làm việc của Ban kiểm soát.

- Ban kiểm soát đã phát huy tốt chức năng của mình trong việc giám sát HĐQT, Ban giám đốc trong việc quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát đã triển khai nhiệm vụ có hiệu quả và phù hợp với tình hình sản xuất của công ty.

- Qua thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã có các đề xuất, kiến nghị với HĐQT để tăng cường công tác quản trị, quản lý rủi ro, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh của công ty.

- Trong quá trình hoạt động, để giải quyết kịp thời các công việc Ban kiểm soát thường xuyên trao đổi thông tin, thảo luận, lấy ý kiến các kiểm soát viên để thống nhất các vấn đề liên quan đến việc thực thi chức trách, nhiệm vụ của mình.

- Các kiểm soát viên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công, theo sát tình hình hoạt động của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng, đề xuất các giải pháp khắc phục.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý trong công ty để Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

5. Lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

+ Đối với Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách hưởng lương, thưởng theo Quy chế trả lương, thưởng và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty;

+ Đối với các thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách hưởng thù lao theo quy định tại Nghị quyết số 22/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 (8 triệu đồng/người/tháng);

+ Các khoản chi phí hoạt động và lợi ích khác của Ban kiểm soát được chi trả tuân thủ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và Quy chế của Công ty;

+ Thu nhập của Ban kiểm soát trong năm 2025 là: 1,468 tỷ đồng.

II. Kết quả kiểm tra, giám sát năm 2025.

1. Thẩm định Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành của HĐQT, Giám đốc Công ty.

1.1. Cơ cấu HDQT năm 2025:

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, trong đó: 01 Chủ tịch HĐQT chuyên trách; 01 thành viên HĐQT kiêm Giám đốc; 02 thành viên HĐQT kiêm nhiệm làm việc ở cổ đông Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP và 01 thành viên HĐQT độc lập.

1.2. Hoạt động của HĐQT năm 2025:

- Hội đồng quản trị (HĐQT) công ty đã tổ chức thực hiện đầy đủ Nghị quyết số 22/ NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

- HĐQT thực hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm trong công tác quản lý, kiểm tra, giám sát các hoạt động của công ty. HĐQT tiến hành 04 cuộc họp định kỳ hàng quý, ban hành 72 Nghị quyết và Quyết định, trong đó bao gồm 13 Nghị quyết và 59 Quyết định, các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT được ban hành phù hợp với các Quy định của Nhà nước, Điều lệ công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tình hình sản xuất kinh doanh.

- HĐQT đã kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, kịp thời giải quyết các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất của Công ty.

1.3. Kết quả thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2025:

- Giám đốc công ty điều hành hoạt động sản xuất tuân thủ các Quy định của Nhà nước, Điều lệ công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT.

- Giám đốc công ty đã triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các nội dung theo Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Giám đốc đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh vượt các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận so với thực hiện năm 2024 và kế hoạch năm 2025, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao nộp ngân sách nhà nước.

- Giám đốc tổ chức thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động; bảo đảm thu nhập về tiền lương, tiền thưởng kịp thời, ổn định; triển khai công tác đào tạo, nâng cao tay nghề cho người lao động; thực hiện công tác an sinh xã hội; thực hiện tốt công tác an ninh, an toàn, phòng chống cháy nổ và ATVSMT;...

2. Thẩm định Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2025, 02 Nhà máy vận hành an toàn, ổn định, sản xuất đạt hiệu quả cao. Cụ thể sản lượng, doanh thu, lợi nhuận thực hiện năm 2025 vượt so với thực hiện năm 2024 và so với kế hoạch 2025 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2024	KH năm 2025	TH năm 2025	Tỷ lệ %	
A	*B*	*C*	*1*	*2*	*3*	*4=3/1*	*5=3/2*
I	**Sản lượng**	**Tr.kwh**	**637,80**	**685,28**	**1.050,68**	**164,74**	**153,32**
1	*Thủy điện Hủa Na*	*Tr.kwh*	635,13	625,28	966,28	*152,14*	*154,54*
2	*Thủy điện Nậm Nơn*	*Tr.kwh*	2,67	60,00	84,40	*3.161,05*	*140,67*
II	**Doanh thu**	**Tỷ đồng**	**800,57**	**828,69**	**1.172,95**	**146,51**	**141,54**
1	*Doanh thu bán điện*	*Tỷ đồng*	788,95	822,93	1.153,63	*146,22*	*140,19*
2	*Doanh thu tài chính*	*Tỷ đồng*	11,13	3,87	19,05	*171,16*	*492,25*
3	*Thu nhập khác*	*Tỷ đồng*	0,49	1,89	0,27	*55,10*	*14,29*
III	**Chi phí**	**Tỷ đồng**	**514,21**	**633,61**	**671,65**	**130,62**	**106,00**
1	*Chi phí sản xuất*	*Tỷ đồng*	502,60	604,34	643,23	*127,98*	*106,44*
2	*Chi phí tài chính*	*Tỷ đồng*	11,58	29,27	28,03	*242,06*	*95,76*
3	*Chi phí khác*	*Tỷ đồng*	0,03	0,00	0,39	*1.300,00*	-
IV	**Lợi nhuận trước thuế**	**Tỷ đồng**	**286,36**	**195,08**	**501,30**	*175,06*	**256,97**
V	**Thuế TNDN**	**Tỷ đồng**	**14,76**	**9,75**	**25,49**	*172,70*	**261,33**
VI	**Lợi nhuận sau thuế**	**Tỷ đồng**	**271,60**	**185,33**	**475,81**	*175,19*	**256,74**
VII	**Thuế và các khoản nộp NSNN**	**Tỷ đồng**	**164,19**	**199,06**	**222,41**	**135,46**	**111,73**
VIII	**Giá thành**	**Đồng/ Kwh**	**806,22**	**924,60**	**638,23**	**79,16**	**69,03**

Chỉ tiêu sản lượng thực hiện đạt 153,32% so với kế hoạch, chỉ tiêu doanh thu thực hiện đạt 141,54% so với kế hoạch, chỉ tiêu chi phí thực hiện đạt 106,00% so với kế hoạch, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thực hiện đạt 256,74% so với kế hoạch. Để đạt được kết quả về sản lượng, doanh thu và lợi nhuận thực hiện vượt kế hoạch, Công ty đã thực hiện tốt công tác chào giá thị trường; thực hiện tiết kiệm, tiết giảm chi phí; công tác vận hành, bảo trì, bảo dưỡng nhà máy an toàn, hiệu quả.

3. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán:

- Báo cáo tài chính năm 2025 đã được Công ty TNHH Kiểm toán An Việt kiểm toán và phát hành Báo cáo kiểm toán độc lập số: 53/2026/*BCKT-AVI-TC1* ngày 02/3/2026. Ý kiến của kiểm toán viên: Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Vấn đề cần nhấn mạnh: Một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2024 đã được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản kiểm toán ngày 12/05/2025 của Kiểm toán Nhà nước về kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

3.1. Cơ cấu Tài sản và Nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2025:

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm	Tỷ lệ %
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)=(3)/(4)*
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**	**881.300.843.451**	**624.846.648.003**	**141,04**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	322.092.548.755	416.932.431.896	77,25
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	360.000.000.000	-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	177.625.079.723	131.901.447.943	134,66
IV. Hàng tồn kho	140	19.395.390.227	20.863.838.125	92,96
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	2.187.824.746	55.148.930.039	3,97
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**	**3.088.130.306.540**	**3.387.292.464.364**	**91,17**
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-	-
II. Tài sản cố định	220	3.020.263.459.442	3.324.886.412.427	90,84
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	63.100.393.566	56.556.578.932	111,57
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	4.766.453.532	5.849.473.005	81,49

TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**	**3.969.431.149.991**	**4.012.139.112.367**	**98,94**
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**	**502.598.636.497**	**767.292.194.485**	**65,50**
I. Nợ ngắn hạn	310	175.118.446.941	365.447.555.147	47,92
II. Nợ dài hạn	330	327.480.189.556	401.844.639.338	81,49
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**3.466.832.513.494**	**3.244.846.917.882**	**106,84**
I. Vốn của chủ sở hữu	410	3.466.832.513.494	3.244.846.917.882	106,84
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	-	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**	**3.969.431.149.991**	**4.012.139.112.367**	**98,94**

3.2. Một số chỉ tiêu tài chính:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2025	31/12/2024
1	Hệ số bảo toàn vốn	Lần	1,07	1,01
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	%	13,72	8,37
3	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tài sản (ROA)	%	11,99	6,77
4	Hệ số khả năng thanh toán nhanh	Lần	4,92	1,65
5	Khả năng thanh toán nợ đến hạn	Lần	5,03	1,71

4. Kiểm tra, xem xét và đánh giá một số nội dung khác:

4.1. Những công việc còn lại trong giai đoạn đầu tư của dự án:

Quyết toán dự án:

- Quyết toán giai đoạn 1: Quyết toán dự án hoàn thành nhà máy thủy điện Hủa Na (giai đoạn 1) với giá trị là: 6.474,33 tỷ đồng/7.092,3 tỷ đồng TMĐT (bao gồm thuế GTGT) đã được phê duyệt.

- Hiện nay, Công ty đang tiếp tục thực hiện các hạng mục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư còn vướng mắc đất sản xuất nông nghiệp có rừng tự nhiên theo Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng nên chưa hoàn thành.

Trong thời gian tới, đề nghị Ban lãnh đạo Công ty tìm giải pháp, tập trung phối hợp với các cấp chính quyền địa phương và các đơn vị có liên quan để thực hiện theo quy định và sớm hoàn thành công tác quyết toán dự án thủy điện Hủa Na.

4.2. Tình hình cân đối dòng tiền và chi cho hoạt động sản xuất:

Tính đến ngày 31/12/2025 Công ty đã hoàn thành việc trả nợ vay đầy đủ, kịp thời cho các tổ chức tín dụng và tổ chức sản xuất có hiệu quả. Cụ thể: Trong năm

trả nợ gốc vay: 106,04 tỷ đồng; trả nợ lãi vay: 28,52 tỷ đồng; dư nợ vay đến 31/12/2025: 401,38 tỷ đồng; số dư tiền gửi tại 31/12/2025: 682,09 tỷ đồng.

Tình hình dư nợ vay các hợp đồng tín dụng đầu tư dự án đến 31/12/2025:

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Hợp đồng	Lũy kế số đã giải ngân	Lũy kế trả nợ gốc 31/12/2025	Dư nợ gốc vay 31/12/2025	Ghi chú
1	NH TMCP ĐT&PT VN - CN Quang Minh (HĐ 01/2024/2219756/HĐTD ngày 25/3/2024)	104,98	80,00	24,98	
2	NH TMCP Kỹ Thương VN (HĐ số MMD202113392590/HĐTD ngày 25/5/2021)	64,39	55,91	8,48	
3	NH TMCP Ngoại Thương VN (HĐ 01/2024/CVDA/VCBHN/VCBHN-TĐHN ngày 05/12/2024)	408,80	40,88	367,92	
	Tổng cộng	**578,17**	**176,79**	**401,38**	

Theo kế hoạch năm 2026 dòng tiền chi là 948,00 tỷ đồng, trong đó: Chi trả nợ gốc và lãi vay cùng các chi phí tài chính có liên quan là 104,49 tỷ đồng; chi trả cổ tức cho các cổ đông 352,85 tỷ đồng; các khoản chi phí hoạt động sản xuất 146,95 tỷ đồng; nộp ngân sách Nhà nước 202,15 tỷ đồng; chi hoạt động đầu tư dự án, mua tài sản 119,21 tỷ đồng và chi cho công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư là 22,35 tỷ đồng. Với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh phụ thuộc nhiều vào yếu tố thủy văn, Ban kiểm soát đề nghị Ban lãnh đạo Công ty tính toán cân đối dòng tiền hợp lý để tránh các rủi ro thanh khoản cho Công ty và đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

4.3. Công tác vận hành, sửa chữa bảo dưỡng, bảo trì Nhà máy:

02 Nhà máy vận hành an toàn, ổn định, hiệu quả, không có sự cố bất thường xảy ra, đáp ứng kế hoạch huy động điện của Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia (NSMO) và Trung tâm điều độ hệ thống điện Miền Bắc.

4.4. Công tác quản lý và thực hiện hợp đồng:

Về cơ bản Công ty đã thực hiện theo các quy định của Luật đấu thầu, các quy định, quy chế của Công ty. Ban kiểm soát đề nghị Ban lãnh đạo Công ty, trong quá trình quản lý và thực hiện hợp đồng luôn chú trọng kiểm tra, giám sát, bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật và quy định nội bộ của Công ty.

4.5. Công tác lao động, tiền lương:

Lao động bình quân của Công ty tính đến ngày 31/12/2025 là 140 người (07 Cán bộ quản lý, 133 CBCNV). Người lao động Công ty được ký Hợp đồng lao động đầy đủ. Trong đó người lao động có việc làm, thu nhập ổn định; Tiền lương bình quân người lao động là 30,76 triệu đồng/người/tháng.

4.6. Công tác đào tạo:

Năm 2025, Công ty đã tổ chức các lớp đào tạo về chuyên ngành; đào tạo về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho CBCNV; tham quan học hỏi, tham gia các cuộc hội nghị, hội thảo..., với tổng giá trị 1,42 tỷ đồng. Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được Công ty thực hiện bám sát theo kế hoạch, các lớp học, khóa học được bố trí thời gian phù hợp, CBCNV tham gia đầy đủ, đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

4.7. Kết quả kiểm tra, thanh tra trong kỳ của các cơ quan chức năng Nhà nước:

Năm 2025 Kiểm toán Nhà nước chuyên nghành VI đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2024 tại Công ty. Trên cơ sở Biên bản kiểm toán ngày 12/5/2025, Công ty đã thực hiện các kiến nghị còn hạn chế, tồn tại. Trong đó, Công ty đã nộp bổ sung thuế Thu nhập Doanh nghiệp 97,12 triệu đồng.

4.8. Rà soát hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan:

- Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na hiện không có công ty con, và Công ty không nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đối với bất kỳ công ty nào khác.

- Năm 2025 giao dịch giữa Công ty với Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP (PV Power) trả phí bảo lãnh 27,27 triệu đồng và giao dịch chi trả cổ tức 189,87 tỷ đồng; giao dịch giữa Công ty với Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam trả phí dịch vụ nhãn hiệu Tập đoàn là 2,98 tỷ đồng.

4.9. Công tác đầu tư phát triển các dự án mới:

Năm 2025, Công ty đã tham gia tìm hiểu, nghiên cứu, khảo sát, đánh giá một số dự án mới để đầu tư như: Nhà máy thủy điện Nậm Sum 3; dự án thủy điện Thông Thụ; dự án điện gió Chư Pơng; dự án thủy điện Hủa Na mở rộng; dự án điện mặt trời tại khu vực thủy điện Hủa Na; ...

Ban kiểm soát đề nghị Công ty thực hiện nghiên cứu, khảo sát, đánh giá dự án một cách đầy đủ, cẩn trọng, thông tin chính xác, minh bạch nhằm đảm bảo công tác đầu tư có hiệu quả, phù hợp với mô hình, chiến lược phát triển của Công ty.

4.10. Công tác thực hiện dịch vụ ngoài và chào bán Chứng chỉ I-REC:

- Năm 2025 Công ty đã ký hợp đồng tham gia sửa chữa lớn thiết bị Nhà máy thủy điện Nậm Toóng và ký hợp đồng Cung cấp dịch vụ hỗ trợ, phụ trợ thuộc dự án Nhà máy thủy điện Hòa Bình mở rộng với tổng giá trị là 1,38 tỷ đồng.

- Chứng chỉ I-REC: Trong năm 2025 Công ty đã bán được 260.388 RECs với tổng giá trị là 28.907 USD.

4.11. Đánh giá sự tuân thủ trong việc công bố thông tin:

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện đầy đủ công tác công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC. Ban kiểm soát đề nghị trong thời gian tới Công ty cần tiếp tục quan tâm công tác công bố thông tin để đảm bảo tuân thủ đầy

đủ các quy định của pháp luật.

4.12. Đánh giá việc thực hiện kiến nghị của Ban kiểm soát:

Công ty đã hoàn thành các thủ tục chuyển đổi, điều chỉnh đối với Quy trình vận hành hồ chứa và Phương án bảo vệ đập Nhà máy thủy điện Nậm Nơn; Hoàn thành Giấy phép hoạt động điện lực dài hạn Nhà máy thủy điện Nậm Nơn theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng. Trong thời gian tới đề nghị Lãnh đạo Công ty tiếp tục quan tâm thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đã nêu.

4.13. Chi trả cổ tức cho các cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông năm 2025 đã thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền với mức 10% vốn điều lệ tại Nghị quyết số 22/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2025. Công ty hoàn thành việc chi trả cổ tức cho các cổ đông với tổng số tiền là 235.232.210.000 đồng trong năm 2025 cho các cổ đông.

4.14. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban giám đốc và các cổ đông:

Ban kiểm soát đã chủ động xây dựng kế hoạch trình ĐHĐCĐ thông qua làm cơ sở thực hiện và triển khai thực hiện kế hoạch tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty. Thực hiện trách nhiệm và nghĩa vụ của mình một cách độc lập, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát.

Thực hiện chế độ báo cáo ĐHĐCĐ, công bố thông tin theo đúng quy định hiện hành. Tuyệt đối bảo vệ quyền lợi của các cổ đông, thông tin báo cáo tới DIIDCD một cách trung thực, cẩn trọng, chính xác. Trong năm không phát sinh bất cứ yêu cầu nào từ các cổ đông về các hoạt động kiểm soát bất thường.

HĐQT và Ban giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, tham gia các cuộc họp của HĐQT và được cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

III. Đề xuất và kiến nghị của Ban kiểm soát.

Để tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản trị rủi ro, đảm bảo các hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh của Công ty an toàn và hiệu quả. Ban kiểm soát kiến nghị HĐQT, Ban giám đốc Công ty khẩn trương xem xét, chỉ đạo, thực hiện các nội dung:

1. Vận hành 02 Nhà máy an toàn, hiệu quả. Chủ động thực hiện công tác điều tiết hồ chứa; chào giá linh hoạt trên thị trường; cân đối dòng tiền; tiết kiệm, tiết giảm chi phí;... phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD 2026 đã được phê duyệt.

2. Đối với công tác Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Đề nghị HĐQT công ty chỉ đạo, Ban giám đốc phối hợp với các bên liên quan để sớm hoàn thành những công việc còn vướng mắc trong công tác Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên cơ sở đảm bảo đúng các quy định hiện hành và tổng chi phí thực hiện không vượt quá TMĐT hiệu chỉnh lần 3 đã được phê duyệt.

3. Hoàn thành nội dung kiến nghị còn lại tại Thông báo kết quả kiểm toán số

221/TB-KTNN ngày 18/8/2020 của Kiểm toán Nhà nước: Quyết toán giá trị bổ sung giai đoạn 2 dự án nhà máy thủy điện Hủa Na làm cơ sở để thực hiện đàm phán với EVN về giá phát điện; Làm việc với Bộ TN&MT, UBND tỉnh Nghệ An và các cơ quan chức năng có liên quan xử lý dứt điểm diện tích đất 251,89 ha đất nông nghiệp đã bàn giao cho các hộ dân phải thu hồi.

IV. Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban kiểm soát.

Thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy chế làm việc của Ban kiểm soát.

1. Giám sát việc tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2026 của HĐQT và Giám đốc trong việc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất năm 2026.

2. Dự họp và tham gia ý kiến trong các cuộc họp ĐHĐCĐ, họp HĐQT, và các cuộc họp khác của Công ty thuộc phạm vi và trách nhiệm của Ban kiểm soát.

3. Họp Ban kiểm soát và thực hiện việc thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 06 tháng và hàng năm của Công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT trong năm 2026.

4. Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai kế hoạch hoạt động sản xuất năm 2026. Kiểm tra, rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ theo quy định.

5. Thực hiện chế độ các báo cáo định kỳ theo đúng các quy chế, quy định hiện hành của Ban kiểm soát.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026, Báo cáo của Ban kiểm soát về kết hoạt động năm 2025, kế hoạch hoạt động năm 2026 và xin tiếp thu các ý kiến tham gia của Quý vị cổ đông. Ban kiểm soát trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm của Quý vị cổ đông và sự hợp tác của HĐQT, Ban điều hành Công ty giúp Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trân trọng!

Nơi nhận :
- Như trên;
- Lưu BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Võ Trung Chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Nghệ An, tháng 03 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch
Ông Bùi Huy Thành	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 21/01/2025)
Ông Lê Hải Long	Thành viên
Bà Nguyễn Thu Hạnh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21/01/2025)
Ông Vũ Văn Tâm	Thành viên HĐQT độc lập

Ban Giám đốc

Ông Bùi Huy Thành	Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Phó giám đốc
Ông Đoàn Văn Trường	Phó giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Thạch	Phó giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

S.Đ.K.K.D: 2900797430 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA H. QUẾ PHONG - T. NGHỆ AN

Bùi Huy Thành
Giám đốc

Nghệ An, ngày 02 tháng 03 năm 2026

anviet
Certified Public Accountants

Công ty TNHH Kiểm toán An Việt
Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
T (84-24) 6278 2904 E anviet@anvietcpa.com W anvietcpa.com

Số: 53 /2026/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 02/03/2026, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như được trình bày tại Thuyết minh số 32 - Số liệu so sánh trong Bản Thuyết minh báo cáo tài chính, một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được điều chỉnh hồi tố theo Biên bản kiểm toán ngày 12/05/2025 của Kiểm toán Nhà nước về kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề nêu trên.

M.S.D.N: 0200511555 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN AN VIỆT - Q. HAI BÀ TRƯNG - T.P HÀ NỘI

Vũ Bình Minh
Tổng giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0034-2023-055-1

Đoàn Ngọc Tuân
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 6191-2023-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**881.300.843.451**	**624.846.648.003**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**322.092.548.755**	**416.932.431.896**
1. Tiền	111		57.092.548.755	136.932.431.896
2. Các khoản tương đương tiền	112		265.000.000.000	280.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**360.000.000.000**	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	360.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**177.625.079.723**	**131.901.447.943**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	170.409.742.858	126.868.777.106
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	2.336.235.623	4.012.072.120
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	4.879.101.242	1.020.598.717
IV. Hàng tồn kho	**140**	**10**	**19.395.390.227**	**20.863.838.125**
1. Hàng tồn kho	141		19.395.390.227	20.863.838.125
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.187.824.746**	**55.148.930.039**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.304.248.920	8.293.708.923
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		883.575.826	46.855.221.116
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**3.088.130.306.540**	**3.387.292.464.364**
I. Tài sản cố định	**220**		**3.020.263.459.442**	**3.324.886.412.427**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	3.020.263.459.442	3.324.886.412.427
- Nguyên giá	*222*		*6.564.008.607.750*	*6.540.789.975.953*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(3.543.745.148.308)*	*(3.215.903.563.526)*
II. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**63.100.393.566**	**56.556.578.932**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	63.100.393.566	56.556.578.932
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**4.766.453.532**	**5.849.473.005**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	902.908.794	1.146.116.162
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	3.863.544.738	4.703.356.843
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**3.969.431.149.991**	**4.012.139.112.367**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

MẪU SỐ B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**502.598.636.497**	**767.292.194.485**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**175.118.446.941**	**365.447.555.147**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	16.881.696.094	197.866.212.865
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		67.650.000	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	14.983.940.818	13.865.031.264
3. Phải trả người lao động	314		25.455.744.903	17.343.706.413
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	2.602.081.212	6.087.692.292
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	23.314.274.052	9.084.726.303
6 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	74.343.648.747	97.851.723.064
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		17.469.411.115	23.348.462.946
II. Nợ dài hạn	**330**		**327.480.189.556**	**401.844.639.338**
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	440.189.556	460.990.591
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	16	327.040.000.000	401.383.648.747
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**3.466.832.513.494**	**3.244.846.917.882**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**19**	**3.466.832.513.494**	**3.244.846.917.882**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.352.322.103.444	2.352.322.103.444
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*2.352.322.103.444*	*2.352.322.103.444*
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		64.985.781.295	64.985.781.295
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		121.179.386.876	94.204.113.656
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		928.345.241.879	733.334.919.487
- LNST chưa PPLK đến cuối năm trước	*421a*		*452.531.834.267*	*461.736.894.282*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*475.813.407.612*	*271.598.025.205*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**3.969.431.149.991**	**4.012.139.112.367**

Nghệ An, ngày 02 tháng 03 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Phan Mạnh Hiền	Trần Thị Thu Hà	Bùi Huy Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MẪU SỐ B02 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**21**	**1.153.630.423.745**	**788.945.850.435**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**1.153.630.423.745**	**788.945.850.435**
4. Giá vốn hàng bán	11	22	597.423.242.820	464.607.583.085
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**556.207.180.925**	**324.338.267.350**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	19.052.435.512	11.132.575.886
7. Chi phí tài chính	22	24	28.024.973.808	11.574.664.692
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*27.980.608.103*	*9.892.403.392*
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	45.807.696.391	37.991.113.063
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**501.426.946.238**	**285.905.065.481**
11. Thu nhập khác	31		270.274.535	490.795.823
12. Chi phí khác	32		390.505.492	34.262.540
13. Lợi nhuận khác	**40**		**(120.230.957)**	**456.533.283**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**501.306.715.281**	**286.361.598.764**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	25.493.307.669	14.763.573.559
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**475.813.407.612**	**271.598.025.205**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**28**	**2.023**	**1.076**

Nghệ An, ngày 02 tháng 03 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Phan Mạnh Hiền	Trần Thị Thu Hà	Bùi Huy Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

MẪU SỐ B03 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**	**501.306.715.281**	**286.361.598.764**
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	327.350.848.262	292.354.703.690
- Các khoản dự phòng	03	-	(123.163.779)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	16.976.036	(62.801.239)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(17.352.234.311)	(11.185.210.461)
- Chi phí lãi vay	06	27.980.608.103	9.892.403.392
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước	**08**	**839.302.913.371**	**577.237.530.367**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4.263.780.631	173.807.514.255
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.308.260.003	373.369.443
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(10.003.673.495)	23.798.424.273
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	7.232.667.371	(8.950.438.668)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(28.517.790.950)	(11.714.354.065)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(25.813.654.643)	(13.677.474.545)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(20.543.076.375)	(7.263.549.518)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**768.229.425.913**	**733.611.021.542**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(184.124.010.394)	(506.669.068.166)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	175.181.819
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(495.000.000.000)	(90.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	135.000.000.000	90.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.336.467.190	10.568.880.012
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(530.787.543.204)**	**(495.925.006.335)**
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	8.188.522.922	513.784.560.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(106.040.245.986)	(193.575.644.002)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(234.413.066.750)	(233.690.051.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(332.264.789.814)**	**86.518.864.148**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**(94.822.907.105)**	**324.204.879.355**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**416.932.431.896**	**92.664.874.209**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(16.976.036)	62.678.332
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**322.092.548.755**	**416.932.431.896**

Nghệ An, ngày 02 tháng 03 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Phan Mạnh Hiền	Trần Thị Thu Hà	Bùi Huy Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HÙA NA

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na (gọi tắt "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900797430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 16/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 03/01/2023.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận kinh doanh điều chỉnh là 2.352.322.100.000 đồng tương ứng với 235.232.210 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là HNA.

Trụ sở chính của Công ty tại tầng 9, tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 140 người (tại ngày 31/12/2024 là 140 người)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất điện. Chi tiết: Sản xuất điện, vận hành Nhà máy điện;
- Truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Hoạt động mua bán điện; hoạt động quản lý, vận hành đường dây và trạm biến áp từ 35kV trở lên;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Cho thuê văn phòng;
- Khai thác quặng sắt;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán máy móc, vật tư thiết bị phục vụ ngành điện;
- Bán buôn tổng hợp;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng công trình thủy điện;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
- Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Chi tiết: Kinh doanh khách sạn;
- Xây dựng nhà để ở. Chi tiết: Đầu tư xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở. Chi tiết: Đầu tư xây dựng văn phòng, trung tâm thương mại, nhà hàng, khách sạn;
- Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra, đo lường, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị Nhà máy thủy điện, thiết bị cơ điện, đường dây và trạm biến áp;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Tư vấn đấu thầu, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu, Tư vấn hồ sơ mời thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý dự án; Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình; Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị công trình;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo cung cấp nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và chuyển giao công nghệ các nhà máy thủy điện;
- Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính. Chi tiết: Cho thuê công nghệ năng lượng xanh I-REC.

Hoạt động chính của Công ty là quản lý và vận hành Nhà máy Thủy điện Hủa Na và Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thông tin về thay đổi Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, thay thế Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và một số thông tư liên quan khác. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2026. Ảnh hưởng của việc áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp theo hướng dẫn tại Thông tư 99 đối với số liệu sổ kế toán và số liệu Báo cáo tài chính của Công ty tại ngày 01/01/2026 được thực hiện theo hướng dẫn chuyển đổi số dư trên sổ kế toán và điều khoản chuyển tiếp quy định tại Thông tư 99 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 29 - "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót".

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

4.2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.4. Chuyển đổi ngoại tệ

Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ được thực hiện theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng (ngắn hạn) và trên 12 tháng (dài hạn) kể từ thời điểm báo cáo (ngoài các khoản chứng khoán kinh doanh), bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu) với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư. Dự phòng đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập tương tự phải thu khó đòi.

4.6. Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng, xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng tại ngày kết thúc niên độ kế toán được trích lập phù hợp với chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

4.8. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa

tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với khung khấu hao theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí sửa chữa tài sản cố định khắc phục sự cố có giá trị lớn và các khoản trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí sửa chữa tài sản cố định được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian không quá 36 tháng kể từ thời điểm phát sinh. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

4.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về lãi vay; cổ tức và lợi nhuận phải trả; chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; mượn tài sản; phải trả về tiền phạt, bồi thường; tài sản phát hiện thừa chưa rõ nguyên nhân; phải trả về các

khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn; các khoản nhận ký cược, ký quỹ...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm tài chính do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay, chi phí phải trả các nhà thầu và chi phí hoạt động khác.

4.13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả phản ánh dự phòng cho việc sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định nhà máy thủy điện Hủa Na. Các khoản dự phòng phải trả hàng kỳ được ghi nhận dựa trên cơ sở ước tính của Công ty về tổng giá trị các khoản phí cần thiết để thực hiện công việc bảo dưỡng, sửa chữa cho mỗi chu kỳ bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định là 48 tháng và phân bổ đều cho số tháng thực hiện. Chi phí thực tế bỏ ra để thực hiện công việc bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định phát sinh trong năm được hạch toán giảm vào số dự phòng phải trả.

4.14. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản đi vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính và theo nguyên tệ (nếu có). Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

4.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán điện được ghi nhận căn cứ vào biên bản tổng hợp giao nhận điện năng giữa Công ty và Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng công ty Điện lực miền Bắc. Doanh

thu được ghi nhận bao gồm các khoản thuế tài nguyên nước, phí bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt tính trong giá quyết toán hàng tháng với Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Tổng công ty điện lực miền Bắc.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh từ lãi tiền gửi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.17. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng chung Tổng Công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	184.382.932	285.106.136
Tiền gửi ngân hàng	56.908.165.823	136.647.325.760
Các khoản tương đương tiền (*)	265.000.000.000	280.000.000.000
Cộng	**322.092.548.755**	**416.932.431.896**

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc là 03 tháng, lãi suất 4,75%/năm.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn gốc 06 tháng, lãi suất từ 4,5%/năm đến 7,2%/năm.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	162.314.578.057	121.306.490.799
Tổng công ty Điện lực miền Bắc	8.095.164.801	-
Công ty Cổ phần Tổng công ty Phát triển năng lượng Nghệ An	-	5.268.973.675
Các khách hàng khác	-	293.312.632
Cộng	**170.409.742.858**	**126.868.777.106**

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Lâm	346.365.893	1.570.669.438
Công ty TNHH Xây dựng Thạch Phát	205.821.483	305.100.205
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Thăng Long	323.301.900	323.301.900
Các nhà cung cấp khác	1.460.746.347	1.813.000.577
Cộng	**2.336.235.623**	**4.012.072.120**

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Lãi dự thu	4.554.547.944	-	538.780.823	-
Tạm ứng	124.578.160	-	283.627.198	-
Ký quỹ ngắn hạn	71.332.000	-	34.332.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	128.643.138	-	163.858.696	-
Cộng	**4.879.101.242**	**-**	**1.020.598.717**	**-**

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	**19.395.390.227**	-	**20.863.838.125**	-
Nguyên liệu, vật liệu	19.076.280.235	-	20.546.928.934	-
Công cụ, dụng cụ	71.147.992	-	316.909.191	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	247.962.000	-	-	-
Dài hạn	**3.863.544.738**	-	**4.703.356.843**	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	3.863.544.738	-	4.703.356.843	-
Cộng	**23.258.934.965**	-	**25.567.194.968**	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	**1.304.248.920**	**8.293.708.923**
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản	127.826.534	7.654.203.398
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	226.200.000	210.330.000
Chi phí bảo hiểm sản xuất, vận hành	28.638.649	34.293.092
Công cụ, dụng cụ	118.233.564	241.634.167
Chi phí khác	803.350.173	153.248.266
Dài hạn	**902.908.794**	**1.146.116.162**
Chi phí kiểm định	902.908.794	1.146.116.162
Cộng	**2.207.157.714**	**9.439.825.085**

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí xây dựng công trình Nhà máy Thủy điện Hủa Na	57.763.327.304	54.008.334.976
Mua sắm tài sản cố định	-	907.272.727
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	5.235.214.409	-
Chi phí xây dựng khác	101.851.853	1.640.971.229
Cộng	**63.100.393.566**	**56.556.578.932**

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2025	**4.987.948.437.041**	**1.536.147.532.378**	**9.515.807.000**	**6.914.599.534**	**263.600.000**	**6.540.789.975.953**
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	14.142.403.292	-	-	-	-	14.142.403.292
Điều chỉnh theo giá trị quyết toán	1.096.983.011	-	-	-	-	1.096.983.011
Mua trong năm	-	3.435.443.727	3.529.744.855	963.130.986	50.925.926	7.979.245.494
Tại ngày 31/12/2025	**5.003.187.823.344**	**1.539.582.976.105**	**13.045.551.855**	**7.877.730.520**	**314.525.926**	**6.564.008.607.750**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2025	**2.166.264.543.573**	**1.037.928.703.199**	**5.489.852.317**	**6.178.373.300**	**42.091.137**	**3.215.903.563.526**
Khấu hao trong năm	204.105.465.377	122.466.640.272	919.186.763	294.799.730	55.492.640	327.841.584.782
Tại ngày 31/12/2025	**2.370.370.008.950**	**1.160.395.343.471**	**6.409.039.080**	**6.473.173.030**	**97.583.777**	**3.543.745.148.308**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2025	**2.821.683.893.468**	**498.218.829.179**	**4.025.954.683**	**736.226.234**	**221.508.863**	**3.324.886.412.427**
Tại ngày 31/12/2025	**2.632.817.814.394**	**379.187.632.634**	**6.636.512.775**	**1.404.557.490**	**216.942.149**	**3.020.263.459.442**
Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao còn sử dụng	*26.413.657.639*	*3.266.951.067*	*2.637.805.455*	*5.818.302.765*	-	*38.136.716.926*

Như đã trình bày ở thuyết minh số 16, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị tài sản hình thành từ Dự án Đầu tư xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na và Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan				
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	30.000.000	30.000.000	52.218.299	52.218.299
Phải trả người bán khác				
Công ty Cổ phần Tổng công ty Phát triển năng lượng Nghệ An	-	-	181.200.000.000	181.200.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Thạch Phát	970.472.923	970.472.923	867.435.869	867.435.869
Công ty Cổ phần Truyền dẫn Long Biên	1.222.932.283	1.222.932.283	1.722.932.283	1.722.932.283
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Lâm	2.260.021.042	2.260.021.042	44.225.321	44.225.321
Công ty Cổ phần Quốc tế Sông Lam	1.674.998.208	1.674.998.208	-	-
Các nhà cung cấp khác	10.723.271.638	10.723.271.638	13.979.401.093	13.979.401.093
Cộng	**16.881.696.094**	**16.881.696.094**	**197.866.212.865**	**197.866.212.865**

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2025
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	36.395.898.143	36.395.898.143	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.698.394.887	25.493.307.669	25.813.654.643	5.378.047.913
Thuế thu nhập cá nhân	1.311.560.477	4.975.557.707	5.441.950.775	845.167.409
Thuế tài nguyên nước	-	110.291.669.929	110.291.669.929	-
Phí bảo vệ môi trường rừng	6.855.075.900	35.798.609.124	33.892.959.528	8.760.725.496
Phí cấp quyền sử dụng nước mặt	-	10.571.807.900	10.571.807.900	-
Các loại thuế, phí khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	**13.865.031.264**	**223.529.850.472**	**222.410.940.918**	**14.983.940.818**

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	-	-	**8.188.522.922**	**8.188.522.922**	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	8.188.522.922	8.188.522.922	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	**97.851.723.064**	**97.851.723.064**	**74.343.648.747**	**97.851.723.064**	**74.343.648.747**	**74.343.648.747**
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (1)	16.971.723.064	16.971.723.064	8.479.088.747	16.971.723.064	8.479.088.747	8.479.088.747
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh (2)	40.000.000.000	40.000.000.000	24.984.560.000	40.000.000.000	24.984.560.000	24.984.560.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (3)	40.880.000.000	40.880.000.000	40.880.000.000	40.880.000.000	40.880.000.000	40.880.000.000
Vay dài hạn	**401.383.648.747**	**401.383.648.747**	-	**74.343.648.747**	**327.040.000.000**	**327.040.000.000**
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (1)	8.479.088.747	8.479.088.747	-	8.479.088.747	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh (2)	24.984.560.000	24.984.560.000	-	24.984.560.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (3)	367.920.000.000	367.920.000.000	-	40.880.000.000	327.040.000.000	327.040.000.000
Cộng	**499.235.371.811**	**499.235.371.811**	**82.532.171.669**	**180.383.894.733**	**401.383.648.747**	**401.383.648.747**

Thông tin các hợp đồng vay của Công ty tại ngày 31/12/2025 như sau:

STT	Ngân hàng	Số hợp đồng	Hạn mức (tỷ đồng)	Mục đích	Thời hạn	Lãi suất tại 31/12/2025	Tài sản đảm bảo
(1)	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	MMD202113392590/ HDTD ngày 25/05/2021	100	Thanh toán các khoản chi phí thi công, giải phóng mặt bằng dự án Nhà máy Thủy điện Hủa Na	60 tháng từ kể ngày giải ngân đầu tiên	7,275%	Bảo lãnh thanh toán của Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (bên liên quan) và các tài sản bảo đảm khác được các bên thỏa thuận sử dụng đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ nợ tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam
(2)	Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quang Minh	01/2024/2219756/HĐ TD ngày 25/03/2024	104,98	Trả nợ trước hạn các khoản vay đầu tư dự án Nhà máy Thủy điện Hủa Na tại Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội	Tương đương thời hạn còn lại của các khoản vay Dự án tại Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội: - Khoản vay 1: HĐTD số 124.12/HĐTD/II ngày 17/12/2012 và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Thời hạn vay: 31/12/2024 - Khoản vay 2: HĐTD số 182/16/TD-TT/II ngày 21/1/2016 và các phụ lục hợp đồng kèm theo. Thời hạn vay: 30/01/2026	6,075%	Giá trị máy móc, thiết bị, công trình xây dựng của Dự án Nhà máy Thủy điện Hủa Na

(3)	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	01/2024/CVDA/VCBH N-THUYDIENHUANA ngày 05/12/2024	489,62	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý hợp lệ liên quan đến việc thực hiện Dự án đầu tư mua Nhà máy thủy điện Nậm Nơn	120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên	6%	- Thế chấp toàn bộ máy móc thiết bị và các động sản khác thuộc Nhà máy thủy điện Nậm Nơn - Thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và toàn bộ công trình xây dựng và tài sản gắn liền với đất thuộc Nhà máy thủy điện Nậm Nơn - Thế chấp toàn bộ quyền phát sinh từ Nhà máy thủy điện Nậm Nơn, bao gồm nhưng không giới hạn quyền phát sinh từ hợp đồng mua bán điện, quyền khai thác vận hành nhà máy, quyền phát sinh từ hợp đồng chuyển nhượng, quyền thụ hưởng các khoản bồi thường có thể nhận được từ bên thứ 3

Chi tiết lịch trả nợ của khoản vay dài hạn như sau:

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	74.343.648.747	97.851.723.064
Trên 1 năm đến 5 năm	163.520.000.000	196.983.648.747
Trên 5 năm	163.520.000.000	204.400.000.000
Cộng	**401.383.648.747**	**499.235.371.811**

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Lãi vay dự trả	1.295.366.183	1.832.549.030
Chi phí phải trả nhà thầu	1.058.963.062	1.058.963.062
Chi phí nhãn hiệu phải trả	-	2.492.109.462
Chi phí phải trả khác	247.751.967	704.070.738
Cộng	**2.602.081.212**	**6.087.692.292**

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	**23.314.274.052**	**9.084.726.303**
Các loại thuế, phí tạm tính chưa kê khai (*)	15.246.655.692	5.324.463.676
Kinh phí công đoàn, các khoản bảo hiểm	178.013.756	70.021.385
Cổ tức phải trả	3.729.244.075	2.910.100.825
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.160.360.529	780.140.417
Dài hạn	**440.189.556**	**460.990.591**
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	440.189.556	460.990.591
Cộng	**23.754.463.608**	**9.545.716.894**

(*) Phản ánh số dư phải trả Thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Nghệ An về các khoản phải nộp về thuế tài nguyên, thuế giá trị gia tăng, phí bảo vệ môi trường và phí cấp quyền sử dụng nước mặt mà Công ty tạm tính, chưa kê khai và nộp cho Thuế tỉnh Nghệ An và Quỹ bảo vệ và phát triển rừng Nghệ An.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2024	**2.352.322.103.444**	**64.985.781.295**	**70.551.901.463**	**739.054.558.475**	**3.226.914.344.677**
Lãi trong năm	-	-	-	271.598.025.205	271.598.025.205
Trích quỹ đầu tư và phát triển	-	-	23.652.212.193	(23.652.212.193)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(17.681.400.000)	(17.681.400.000)
Trích quỹ thưởng người quản lý	-	-	-	(751.842.000)	(751.842.000)
Chi cổ tức bằng tiền	-	-	-	(235.232.210.000)	(235.232.210.000)
Tại ngày 01/01/2025	**2.352.322.103.444**	**64.985.781.295**	**94.204.113.656**	**733.334.919.487**	**3.244.846.917.882**
Lãi trong năm	-	-	-	475.813.407.612	475.813.407.612
Trích quỹ đầu tư và phát triển (*)	-	-	26.975.273.220	(26.975.273.220)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(17.843.760.000)	(17.843.760.000)
Trích quỹ thưởng người quản lý (*)	-	-	-	(751.842.000)	(751.842.000)
Chia cổ tức bằng tiền (*)	-	-	-	(235.232.210.000)	(235.232.210.000)
Tại ngày 31/12/2025	**2.352.322.103.444**	**64.985.781.295**	**121.179.386.876**	**928.345.241.879**	**3.466.832.513.494**

(*) Công ty phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 22/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2025.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	1.898.727.600.000	80,72%	1.898.727.600.000	80,72%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á	115.500.000.000	4,91%	115.500.000.000	4,91%
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	105.000.000.000	4,46%	105.000.000.000	4,46%
Tổng công ty Lắp máy Việt Nam	87.200.270.000	3,71%	87.200.270.000	3,71%
Các cổ đông khác	145.894.230.000	6,20%	145.894.230.000	6,20%
Cộng	**2.352.322.100.000**	**100%**	**2.352.322.100.000**	**100%**

Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	**235.232.210**	**235.232.210**
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	**235.232.210**	**235.232.210**
- Cổ phiếu phổ thông	*235.232.210*	*235.232.210*
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	**-**	**-**
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**235.232.210**	**235.232.210**
- Cổ phiếu phổ thông	*235.232.210*	*235.232.210*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	**10.000**	**10.000**

20. KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ

	31/12/2025	01/01/2025
Đô la Mỹ (USD)	172.790,78	125.746,16

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán điện	988.969.784.178	689.073.349.942
Các khoản thuế, phí gián thu (*)	163.193.317.352	96.764.762.522
Doanh thu khác	1.467.322.215	3.107.737.971
Cộng	**1.153.630.423.745**	**788.945.850.435**

(*) Phản ánh các khoản thuế tài nguyên nước, phí bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt.

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn sản xuất điện	433.549.037.500	366.399.320.956
Các khoản thuế, phí gián thu (*)	163.193.317.352	96.764.762.522
Giá vốn khác	680.887.968	1.443.499.607
Cộng	**597.423.242.820**	**464.607.583.085**

(*) Phản ánh các khoản thuế tài nguyên nước, phí bảo vệ môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt.

23. DOANH THU TÀI CHÍNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	17.352.234.311	11.010.028.642
Lãi chênh lệch tỷ giá	138.201.201	122.547.244
Chiết khấu thanh toán được hưởng	1.562.000.000	-
Cộng	**19.052.435.512**	**11.132.575.886**

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	27.980.608.103	9.892.403.392
Phí trả nợ trước hạn	-	1.574.768.400
Phí bảo lãnh các hợp đồng vay	27.272.727	47.471.181
Lỗ chênh lệch tỷ giá	17.092.978	60.021.719
Cộng	**28.024.973.808**	**11.574.664.692**

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	26.821.872.272	23.602.432.985
Chi phí vật liệu quản lý	1.132.985.119	572.359.946
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.557.640.672	1.503.864.684
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	13.275.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.779.632.748	4.066.042.925
Chi phí khác	11.512.565.580	8.233.137.523
Cộng	**45.807.696.391**	**37.991.113.063**

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.843.779.261	11.126.522.563
Chi phí nhân viên	74.624.119.894	56.579.371.476
Chi phí khấu hao tài sản cố định	327.350.848.262	292.354.703.690
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.077.789.191	29.185.505.259
Chi phí thuế tài nguyên, phí môi trường rừng và phí cấp quyền sử dụng nước mặt	163.193.317.352	96.764.762.522
Chi phí khác	19.389.047.251	16.587.830.638
Cộng	**643.478.901.211**	**502.598.696.148**

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	**501.306.715.281**	**286.361.598.764**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
- Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
- Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	5.352.811.762	3.917.157.320
Thu nhập chịu thuế	**506.659.527.043**	**290.278.756.084**
Trong đó, chi tiết theo hoạt động		
Hoạt động kinh doanh thông thường được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thu nhập chịu thuế hoạt động kinh doanh thông thường	505.602.818.261	288.614.517.720
- Thuế suất	10%	10%
- Thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế	50.560.281.826	28.861.451.772
- Thuế TNDN được giảm	25.280.140.913	14.430.725.886
- Thuế TNDN phải nộp (a)	**25.280.140.913**	**14.430.725.886**
Hoạt động kinh doanh khác		
- Thu nhập chịu thuế hoạt động khác không được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp	1.056.708.782	1.664.238.364
- Thuế suất	20%	20%
- Thuế TNDN phải nộp (b)	**211.341.756**	**332.847.673**
Thuế TNDN bổ sung của các năm trước (c)	1.825.000	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (a)+(b)+(c)	**25.493.307.669**	**14.763.573.559**

Dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Hủa Na là dự án đầu tư mới tại huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An (nay là xã Thông Thụ, tỉnh Nghệ An) thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 và Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ.

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013, đối với hoạt động kinh doanh điện, Công ty được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động tính trên thu nhập chịu thuế, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2013) và giảm 50% cho chín (09) năm tiếp theo (từ năm 2017). Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế.

Năm 2024, Công ty đầu tư mua lại Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn từ Công ty Cổ phần Tổng công ty Phát triển Năng lượng Nghệ An. Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn là dự án đầu tư mới tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An (nay là xã Tương Dương, tỉnh Nghệ An) thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ. Dự án Nhà máy thủy điện Nậm Nơn được hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong 15 năm đầu hoạt động tính trên thu nhập chịu thuế, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn (04) năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có thu nhập chịu thuế (năm 2014) và giảm 50% cho chín (09) năm tiếp theo (từ năm 2018). Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế. Công ty được nhận chuyển tiếp quyền được hưởng ưu đãi về thuế TNDN trong thời gian còn lại.

Đối với các hoạt động kinh doanh khác, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	**475.813.407.612**	**271.598.025.205**
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(18.595.602.000)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**475.813.407.612**	**253.002.423.205**
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	235.232.210	235.232.210
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**2.023**	**1.076**

Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty chưa phân phối lợi nhuận năm 2025, theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2025 có thể được điều chỉnh, phụ thuộc vào việc trích các quỹ của Công ty từ lợi nhuận sau thuế sau khi được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2024 đã được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 22/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 17/04/2025.

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty đã ký kết Hợp đồng thuê đất số 134/HĐ-TĐ ngày 09/09/2011 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An về việc thuê 809.930 m² đất tại xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An (nay là xã Thông Thụ, tỉnh Nghệ An) để thực hiện xây dựng Nhà máy Thủy điện Hủa Na. Thời hạn thuê đất là 46 năm kể từ ngày 09/09/2011 đến ngày 26/03/2058. Theo Quyết định số 1016/QĐ-CT ngày 09/06/2014 của Cục thuế tỉnh Nghệ An về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na, Công ty được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng (từ tháng 08 năm 2011 đến hết tháng 07 năm 2013) và thời gian ưu đãi đầu tư (từ tháng 08 năm 2013 đến hết tháng 07 năm 2028).

Năm 2024, sau khi nhận chuyển nhượng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuê tại Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn, Công ty đã ký kết Hợp đồng thuê đất số 165/HĐ-TĐ ngày 28/10/2024 với Uỷ ban Nhân dân tỉnh Nghệ An về việc thuê 66.776 m² đất tại xã Xá Lượng, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An (nay là xã Tương Dương, tỉnh Nghệ An) để tiếp tục quản lý vận hành Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn. Thời hạn thuê đất đến hết ngày 02/08/2061. Theo Quyết định số 890/QĐ-CT ngày 21/5/2013 của Cục thuế tỉnh Nghệ An, Công ty Cổ phần Tổng công ty Phát triển năng lượng Nghệ An (chủ đầu tư Nhà máy Thủy điện Nậm Nơn) được miễn tiền thuê đất đối với khu đất trên đến hết tháng 12/2027. Theo đó, Công ty được chuyển tiếp quyền được hưởng ưu đãi miễn tiền thuê đất.

30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan có phát sinh giao dịch trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối liên hệ
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	Chủ sở hữu của công ty mẹ
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ

Ngoài giao dịch và số dư với các bên liên quan đã trình bày tại các Thuyết minh, Công ty có giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Phí bảo lãnh		
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	27.272.727	47.471.181
Phí nhãn hiệu		
Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc gia Việt Nam	2.986.401.444	2.492.109.462
Chia cổ tức		
Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP	189.872.760.000	189.872.760.000

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Hoàng Xuân Thành	Chủ tịch HĐQT	1.383.346.332	1.229.564.839
Ông Lê Hải Long	Thành viên HĐQT	158.000.000	123.611.111
Ông Vũ Văn Tâm	Thành viên HĐQT	158.000.000	123.611.111
Bà Nguyễn Thu Hạnh	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 21/01/2025)	124.000.000	-
Ông Bùi Huy Thành	Thành viên HĐQT, Giám đốc	1.348.988.627	1.177.344.984
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 21/01/2025), Phó Giám đốc	1.282.471.791	1.125.287.203
Ông Đoàn Văn Trường	Phó Giám đốc	1.297.840.333	1.081.065.104
Ông Nguyễn Trọng Thạch	Phó Giám đốc	1.284.520.664	1.124.822.198
Cộng		**7.037.167.747**	**5.985.306.550**

Thu nhập và thù lao của Ban kiểm soát chi trả trong năm là:

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Võ Trung Chính	Trưởng ban kiểm soát	1.218.609.637	1.074.756.695
Ông Lê Đình Hiệu	Thành viên Ban Kiểm soát	125.000.000	87.055.556
Bà Lê Vân Anh	Thành viên Ban Kiểm soát	125.000.000	87.055.556
Cộng		**1.468.609.637**	**1.248.867.807**

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán ngày 12/05/2025 của Kiểm toán Nhà nước về kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty. Chi tiết như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN Tại ngày 31/12/2024	**Mã số**	**Số liệu trước điều chỉnh**	**Số liệu điều chỉnh**	**Số liệu sau điều chỉnh**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7.497.411.393	796.297.530	8.293.708.923
Chi phí trả trước dài hạn	261	-	1.146.116.162	1.146.116.162
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13.767.910.579	97.120.685	13.865.031.264
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	731.489.626.480	1.845.293.007	733.334.919.487
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*	*269.752.732.198*	*1.845.293.007*	*271.598.025.205*

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH Năm 2024	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Số liệu điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Giá vốn hàng bán	11	466.549.996.777	(1.942.413.692)	464.607.583.085
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	322.395.853.658	1.942.413.692	324.338.267.350
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	283.962.651.789	1.942.413.692	285.905.065.481
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	284.419.185.072	1.942.413.692	286.361.598.764
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	14.666.452.874	97.120.685	14.763.573.559
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	269.752.732.198	1.845.293.007	271.598.025.205
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.147	(71)	1.076

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ Năm 2024	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Số liệu điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Lợi nhuận trước thuế	01	284.419.185.072	1.942.413.692	286.361.598.764
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	575.295.116.675	1.942.413.692	577.237.530.367
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(7.008.024.976)	(1.942.413.692)	(8.950.438.668)

Nghệ An, ngày 02 tháng 03 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Phan Mạnh Hiền	Trần Thị Thu Hà	Bùi Huy Thành

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN HỦA NA

Số: 371 /TTr-HHC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 03 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
V/v: Thông qua kế hoạch tài chính năm 2026 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Quyết định số 61/QĐ-HHC-HĐQT ngày 25/9/2023 của Hội đồng quản trị Công ty về việc phê duyệt và ban hành quy chế quản lý tài chính của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch tài chính năm 2026 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na, bao gồm:

- Kế hoạch tài chính năm 2026 *(Phụ lục 01 kèm theo);*
- Kế hoạch dòng tiền năm 2026 *(Phụ lục 02 kèm theo).*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GĐ Công ty;
- Lưu VT, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN HỦA NA

Hoàng Xuân Thành

PHỤ LỤC 01: KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2026

Kèm theo Tờ trình số 371 /TTr-HHC-HĐQT ngày 03 /4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na

ĐVT: Tỷ đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số tiền	Ghi chú
A	**Chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2026**			
I	**Sản lượng điện 2026**	**Triệu Kwh**	**721,77**	Kế hoạch SXKD 2026
1	Nhà máy thủy điện Hủa Na	Triệu Kwh	659,77	"
2	Nhà máy thủy điện Nậm Nơn	Triệu Kwh	62,00	"
II	**Doanh thu năm 2026**	**Tỷ đồng**	**895,92**	Kế hoạch SXKD 2026
1	Doanh thu sản xuất điện	Tỷ đồng	879,34	
1.1	Doanh thu phát điện nhà máy Hủa Na	Tỷ đồng	796,51	"
1.2	Doanh thu phát điện nhà máy Nậm Nơn	Tỷ đồng	82,83	"
2	Doanh thu tài chính và Thu nhập khác	Tỷ đồng	16,57	"
III	**Chi phí sản xuất 2026**	**Tỷ đồng**	**667,27**	
1	**Chi phí Nhà máy thủy điện Hủa Na**	**Tỷ đồng**	**518,93**	
1.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	Tỷ đồng	16,18	"
1.2	Chi phí nhân công	Tỷ đồng	32,38	"
1.3	Chi phí khấu hao tài sản cố định	Tỷ đồng	298,32	"
1.4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	Tỷ đồng	31,76	"
1.5	Chi phí thuế tài nguyên, nước mặt và môi trường rừng	Tỷ đồng	105,83	"
1.6	Chi phí sửa chữa TSCĐ	Tỷ đồng	25,02	"
1.7	Chi phí khác	Tỷ đồng	9,45	"
2	**Chi phí Nhà máy thủy điện Nậm Nơn**	**Tỷ đồng**	**72,00**	
3	**Chi phí cung cấp dịch vụ**	**Tỷ đồng**	**1,25**	
2.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	Tỷ đồng	6,52	"
2.2	Chi phí nhân công	Tỷ đồng	10,70	"
2.3	Chi phí khấu hao tài sản cố định	Tỷ đồng	38,86	"
2.4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	Tỷ đồng	2,73	"
2.5	Chi phí thuế tài nguyên, nước mặt và môi trường rừng	Tỷ đồng	10,27	"
2.6	Chi phí sửa chữa TSCĐ	Tỷ đồng	1,00	"
2.7	Chi phí khác	Tỷ đồng	1,93	"
3	**Chi phí quản lý**	**Tỷ đồng**	**51,99**	
3.1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu, CCDC	Tỷ đồng	4,24	"
3.2	Chi phí nhân công	Tỷ đồng	21,75	"
3.3	Chi phí khấu hao tài sản cố định	Tỷ đồng	1,55	"
3.4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	Tỷ đồng	8,73	"
3.5	Chi phí thuế tài nguyên, nước mặt và môi trường rừng	Tỷ đồng	0,00	"
3.6	Chi phí bằng tiền khác	Tỷ đồng	15,72	"

4	**Chi phí tài chính**	**Tỷ đồng**	**23,10**	"
IV	**Lợi nhuận trước thuế 2026**	**Tỷ đồng**	**228,65**	Kế hoạch SXKD 2026
V	**Nộp Ngân sách Nhà nước**	**Tỷ đồng**	**209,31**	Kế hoạch SXKD 2026
B	**Các chỉ tiêu khác**	**Tỷ đồng**	**91,56**	Kế hoạch SXKD 2026
I	Kế hoạch đầu tư XDCB	Tỷ đồng	22,35	"
II	Kế hoạch trang bị tài sản cố định, thiết bị, phương tiện ...	Tỷ đồng	64,21	"
III	Kế hoạch khảo sát nghiên cứu và đầu tư các dự án mới	Tỷ đồng	5,00	"
C	**Cân đối dòng tiền 2026**			
I	**Số dư tiền năm 2025 chuyển sang**	**Tỷ đồng**	**682,09**	BCTC 2025
II	**Dự kiến dòng tiền thu**	**Tỷ đồng**	**1.062,82**	Dòng tiền 2026
1	Tiền thu bán điện	Tỷ đồng	1.036,44	"
2	Thu tài chính	Tỷ đồng	23,53	"
3	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ	Tỷ đồng	2,86	"
III	**Dự kiến dòng tiền chi**	**Tỷ đồng**	**948,00**	
1	**Nhà máy thủy điện Hủa Na**		**97,63**	
1.1	Chi phí nhân công	Tỷ đồng	54,12	Dòng tiền 2026
1.2	Chi phí Quản lý vận hành và Sửa chữa bảo dưỡng Hủa Na	Tỷ đồng	43,50	"
2	**Nhà máy thủy điện Nậm Nơn**	Tỷ đồng	**21,51**	"
2.1	Chi phí nhân công	Tỷ đồng	10,70	"
2.2	Chi phí Quản lý vận hành và Sửa chữa bảo dưỡng	Tỷ đồng	10,82	"
3	**Chi phí tài chính**	**Tỷ đồng**	**104,49**	"
4	**Thanh toán các dịch vụ mua ngoài**	**Tỷ đồng**	**27,81**	
5	**Chi đầu tư dự án mới**	**Tỷ đồng**	**55,00**	"
6	**Chi đầu tư và mua TSCĐ, thiết bị, phương tiện**	**Tỷ đồng**	**64,21**	"
7	**Chia cổ tức**	**Tỷ đồng**	**352,85**	"
8	**Chi cho hoạt động dự án NM Hủa Na**	**Tỷ đồng**	**22,35**	"
9	**Chi nộp NSNN**	**Tỷ đồng**	**202,15**	"
IV	**Dòng tiền cuối kỳ**	**Tỷ đồng**	**796,92**	

PHỤ LỤC 02: KẾ HOẠCH DÒNG TIỀN NĂM 2026

Kèm theo Tờ trình số 341 /TTr-HHC-HĐQT ngày 03/4/2026 của Hội đồng quản trị

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu kế hoạch	Kế hoạch năm 2026												
		Tổng cộng	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
A	**SỐ DƯ ĐẦU KỲ**	**682.093**	**682.093**	**696.330**	**681.179**	**689.939**	**782.977**	**824.400**	**828.346**	**542.213**	**608.523**	**700.610**	**729.660**	**807.352**
B	**SỐ THU TRONG KỲ (I+II+III)**	**1.062.823**	**76.966**	**7.989**	**34.115**	**123.692**	**84.692**	**72.807**	**110.603**	**90.153**	**124.782**	**97.418**	**107.090**	**132.517**
I	**Thu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**1.036.436**	**75.730**	**6.828**	**32.881**	**122.475**	**83.284**	**69.855**	**107.038**	**87.975**	**122.126**	**93.821**	**104.418**	**130.007**
1	**NM Hủa Na**	**858.782**	**45.174**	**46.339**	**48.680**	**48.015**	**45.606**	**63.958**	**74.337**	**87.729**	**97.702**	**124.256**	**116.271**	**60.715**
1.1	Sản lượng điện	660	35	37	35	34	45	61	71	80	99	85	45	33
1.2	Doanh thu bán điện chưa VAT	795.168	41.828	42.906	45.074	44.458	42.228	59.220	68.831	81.231	90.465	115.052	107.659	56.217
1.3	VAT	63.613	3.346	3.432	3.606	3.557	3.378	4.738	5.506	6.498	7.237	9.204	8.613	4.497
2	**NM Nậm Nơn**	**89.426**	**5.911**	**6.925**	**6.738**	**8.077**	**10.015**	**10.173**	**12.872**	**4.380**	**6.092**	**6.716**	**5.751**	**5.776**
2.1	Sản lượng điện	62	4	4	4	6	6	8	5	7	7	6	3	3
2.2	Doanh thu bán điện chưa VAT	82.802	5.473	6.412	6.238	7.479	9.273	9.420	11.918	4.056	5.640	6.219	5.325	5.349
2.3	VAT	6.624	438	513	499	598	742	754	953	324	451	497	426	428
II	**Thu tài chính**	**23.525**	**998**	**923**	**996**	**978**	**1.169**	**2.713**	**3.327**	**1.940**	**2.418**	**3.358**	**2.434**	**2.272**
1	Lãi tiền gửi	13.431	998	923	996	978	1.169	1.200	1.254	967	1.045	1.237	1.245	1.419
2	Vay vốn lưu động	10.094	0	0	0	0	0	1.513	2.072	973	1.372	2.121	1.189	853
3	Vay dài hạn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
III	**Thu từ thu nhập khác**													
IV	**Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ**	**2.861**	**238**	**238**	**238**	**238**	**238**	**238**	**238**	**238**	**238**	**238**	**238**	**238**
C	**SỐ CHI TRONG KỲ (I+II+...+XI)**	**947.996**	**62.730**	**23.140**	**25.355**	**30.654**	**43.269**	**68.861**	**396.736**	**23.843**	**32.695**	**68.368**	**29.398**	**142.949**
I	**Thanh toán chi phí QLVH khác**	**8.366**	**1.015**	**321**	**321**	**421**	**1.357**	**321**	**437**	**657**	**321**	**1.267**	**621**	**1.307**
1	**NM Hủa Na**	**6.528**	**810**	**259**	**259**	**359**	**995**	**259**	**375**	**595**	**259**	**840**	**559**	**959**
2	**NM Nậm Nơn**	**1.838**	**205**	**62**	**62**	**62**	**362**	**62**	**62**	**62**	**62**	**427**	**62**	**348**
II	**Thanh toán chi phí sửa chữa, bảo dưỡng nhà máy**	**45.956**	**11.643**	**582**	**2.654**	**10.166**	**3.224**	**170**	**3.260**	**0**	**1.133**	**0**	**1.517**	**11.608**
1	**NM Hủa Na**	**36.976**	**10.738**	**0**	**2.190**	**7.904**	**1.769**	**170**	**2.796**	**0**	**1.133**	**0**	**160**	**10.117**
1.1	Sửa chữa thường xuyên	3.772	524			1.000	318		403		565	0	160	802
1.2	Sửa chữa định kỳ	15.148	2.955		1.444	5.336	208							5.205
1.3	Sửa chữa TSCD khác, hạ tầng nhà máy	18.057	7.259		747	1.567	1.243	170	2.393		568			4.109
2	**NM Nậm Nơn**	**8.980**	**905**	**582**	**464**	**2.262**	**1.455**	**0**	**464**	**0**	**0**	**0**	**1.357**	**1.491**
1.1	Sửa chữa thường xuyên	2.910	0	582			1.455						0	873
1.2	Sửa chữa định kỳ	4.524	905			2.262							1.357	
1.3	Sửa chữa TSCD khác, hạ tầng nhà máy	1.545			464				464					618
III	**Thanh toán chi phí tài chính**	**104.493**	**25.848**	**0**	**0**	**30**	**0**	**40.914**	**17**	**21**	**1.533**	**2.093**	**994**	**33.043**
1	Chi trả lãi vay dài hạn	24.062	864	0	0	0	0	11.988	0	0	0	0	0	11.211
2	Chi trả gốc vay dài hạn	74.344	24.985	0	0	0	0	28.919	0	0	0	0	0	20.440
3	Chi trả lãi vay vốn lưu động	126	0	0	0	0	0	7	17	21	20	21	21	19

STT	Các chỉ tiêu kế hoạch	Kế hoạch năm 2026												
		Tổng cộng	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
4	Chi trả gốc vay vốn lưu động	5.931	0	0	0	0	0	0	0	0	1.513	2.072	973	1.372
5	Phí bảo lãnh của PVPower	30				30								
IV	**Thanh toán các khoản thuế, phí**	**202.152**	**10.160**	**9.366**	**9.803**	**10.744**	**14.897**	**12.619**	**20.179**	**17.714**	**20.070**	**42.873**	**21.962**	**11.766**
1	**NM Hủa Na**	**167.145**	**8.044**	**8.337**	**8.805**	**8.461**	**12.778**	**11.106**	**14.253**	**16.741**	**18.698**	**28.234**	**20.774**	**10.913**
1.1	Thuế tài nguyên nước	72.737	3.649	3.848	4.062	3.848	3.706	4.951	6.744	7.872	8.790	10.965	9.317	4.986
1.2	Phí môi trường rừng	23.829	1.249	1.257	1.338	1.257	1.211	1.617	2.203	2.571	2.871	3.582	3.044	1.629
1.3	Phí quyền khai thác nước mặt	9.365					4.683					4.683		
1.4	Thuế VAT	61.213	3.146	3.232	3.406	3.357	3.178	4.538	5.306	6.298	7.037	9.004	8.413	4.297
2	**NM Nậm Nơn**	**16.262**	**844**	**1.028**	**997**	**1.179**	**2.119**	**1.513**	**2.072**	**973**	**1.372**	**2.121**	**1.189**	**853**
2.1	Thuế tài nguyên nước	6.800	336	426	413	475	621	610	881	526	732	807	613	358
2.2	Phí môi trường rừng	2.232	121	139	135	155	203	199	288	172	239	264	200	117
2.3	Phí quyền khai thác nước mặt	1.206					603					603		
2.4	Thuế VAT (sau khấu trừ)	6.024	388	463	449	548	692	704	903	274	401	447	376	378
3	Thuế TNDN	18.745	1.271			1.103			3.853			12.518		
V	**Thanh toán tiền lương và các khoản trích nộp theo lương, thưởng VHAT**	**64.817**	**10.609**	3.115	5.655	**8.069**	5.655	3.115	5.528	3.115	3.115	**8.069**	3.115	5.655
1	NM Hủa Na	32.375	5.293	1.559	2.825	4.027	2.825	1.559	2.761	1.559	1.559	4.027	1.559	2.825
2	NM Nậm Nơn	10.696	1.767	507	934	1.340	934	507	913	507	507	1.340	507	934
3	CBCNV Văn phòng Vinh	13.875	2.268	668	1.211	1.726	1.211	668	1.183	668	668	1.726	668	1.211
3	Người quản lý chuyên trách	7.870	1.280	382	686	976	686	382	671	382	382	976	382	686
VI	**Thanh toán các dịch vụ mua ngoài**	**27.807**	**3.455**	**3.335**	**1.335**	**1.225**	**5.294**	**1.134**	**1.625**	**2.335**	**935**	**1.225**	**1.188**	**4.721**
1	**NM Hủa Na**	**25.221**	**3.140**	**3.250**	**1.250**	**1.140**	**5.209**	**1.049**	**1.140**	**2.250**	**850**	**1.140**	**1.103**	**3.700**
2	**NM Nậm Nơn**	**2.586**	**315**	**85**	**85**	**85**	**85**	**85**	**485**	**85**	**85**	**85**	**85**	**1.021**
VII	**Chi đầu tư và mua TSCĐ, thiết bị, phương tiện**	**64.208**		6.421	0		12.842	0	12.842	0	0	**12.842**		19.262
VIII	**Chi trả cổ tức (10%)**	**352.848**					**0**		**352.848**		**0**	**0**		
X	**Chi cho hoạt động dự án NM Hủa Na**	**22.349**		**0**	**5.587**	**0**	**0**	**5.587**	**0**	**0**	**5.587**			**5.587**
XI	**Chi đầu tư dự án mới**	**55.000**						**5.000**			**0**			**50.000**
D	**CÂN ĐỐI SỐ DƯ CUỐI KỲ (A+B-C)**	**796.920**	**696.330**	**681.179**	**689.939**	**782.977**	**824.400**	**828.346**	**542.213**	**608.523**	**700.610**	**729.660**	**807.352**	**796.920**

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN HỦA NA
Số: 370/TTr-HHC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 03 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH
V/v: Thông qua Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS) của Công ty như sau:

1. Tình hình tiền lương, thù lao, thu nhập năm 2025 của HĐQT, BKS

1.1. Tình hình tiền lương, thù lao, thu nhập năm 2025 của HĐQT, BKS chuyên trách

TT	Nội dung	Thực hiện 2025 (VNĐ)	Ghi chú
1.1	Chủ tịch HĐQT	1.383.346.332	
1.2	Thành viên HĐQT, Giám đốc	1.348.988.627	
1.3	Trưởng Ban kiểm soát	1.218.609.637	
Tổng cộng		**3.950.944.596**	

1.2. Tình hình tiền lương, thù lao, thu nhập năm 2025 của HĐQT, BKS kiêm nhiệm

TT	Nội dung	Thù lao	Thu nhập khác	Tổng cộng	Ghi chú
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)=(3)+(4)*	
1	Thành viên HĐQT (03 người)	322.500.000	117.500.000	440.000.000	
2	Kiểm soát viên (02 người)	183.000.000	67.000.000	250.000.000	
Tổng cộng				**690.000.000**	

2. Kế hoạch chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT và BKS năm 2026

2.1. Kế hoạch thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát kiêm nhiệm và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026

TT	Nội dung	Đơn giá (VNĐ)	Số tháng	Số người	Thành tiền (VNĐ)
1	**Thù lao**				**552.000.000**
1.1	Thành viên HĐQT	10.000.000	12	3	360.000.000
1.2	Kiểm soát viên	8.000.000	12	2	192.000.000
2	**Chi phí hoạt động**				**921.000.000**
2.1	Chi phí đi lại				360.000.000
2.2	Chi phí hội nghị				115.000.000
2.3	Chi phí khác				186.000.000
2.4	Chi phí làm việc của HĐQT với các cơ quan ban ngành				260.000.000
Tổng cộng					**1.473.000.000**

Thù lao của các thành viên HĐQT và BKS nêu trên chưa bao gồm các khoản: tiền thưởng, phúc lợi,... được hưởng theo quy định của Nhà nước/Công ty.

2.2. Kế hoạch tiền lương, thu nhập năm 2026 của HĐQT và BKS làm việc theo chế độ chuyên trách

STT	Chức danh (chuyên trách)	Số người	Kế hoạch tiền lương (VNĐ)
1	Chủ tịch HĐQT	1	887.625.200
2	Thành viên HĐQT, Giám đốc	1	887.625.200
3	Trưởng Ban Kiểm soát	1	810.440.400
	Tổng cộng	3	**2.585.690.800**

- Việc xác định tiền lương, tiền thưởng, phúc lợi của HĐQT, BKS năm 2026 được thực hiện theo quy chế, quy định của Công ty.

- Tổng tiền lương kế hoạch của các thành viên HĐQT và BKS nêu trên chưa bao gồm các khoản: Thưởng an toàn, các khoản tiền thưởng, phúc lợi,... được hưởng theo quy định của Nhà nước/Công ty.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GĐ Công ty;
- Lưu VT, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

S.Đ.K.K.D:2900797430 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA
H.QUẾ PHONG-T.NGHỆ AN

Hoàng Xuân Thành

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN HỦA NA

Số: 369 /TTr-HHC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 03 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HHC-ĐHĐCĐ ngày 17/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025 với các nội dung sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025:

ĐVT: VNĐ

TT	Nội dung	Phân phối lợi nhuận 2025		Ghi chú
		Mức trích	Số tiền	
1	**Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2025**		**928.345.241.879**	
1.1	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2024 chuyển sang		452.531.834.267	
1.2	Lợi nhuận sau thuế năm 2025		475.813.407.612	
2	**Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2025**		**616.155.075.306**	
2.1	Trích Quỹ đầu tư và phát triển	50%	237.906.703.806	*= 50%*LNST*
2.2	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	06 tháng lương BQ NLĐ	24.544.884.000	
2.3	Trích quỹ thưởng người quản lý	1,5 tháng lương BQ NQL	855.172.500	

2. Giao quyền cho HĐQT Công ty xem xét quyết định:

Lựa chọn thời điểm chi trả cổ tức phù hợp với khả năng cân đối dòng tiền của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- TV HĐQT, BKS;
- Ban GĐ Công ty;
- Lưu VT, TCKT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

S.Đ.K.K.D:2900797430 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN HỦA NA H.QUẾ PHONG-T.NGHỆ AN

Hoàng Xuân Thành

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN HỦA NA

Số: 04 /TTr-HHC-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 16 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH

Danh sách các đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026
Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ngày 29/3/2011;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

Để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na. Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán, đồng thời ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty xem xét, lựa chọn một đơn vị kiểm toán trong danh sách để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026 Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na theo đúng quy định, bảo đảm chất lượng và có tính cạnh tranh.

Danh sách các đơn vị kiểm toán bao gồm:

1. Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.
2. Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.
3. Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- HĐQT;
- Lưu: VT, BKS.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Võ Trung Chính

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Số: 368 /TTr-HHC-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 03 tháng 4 năm 2026

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua:

1. Miễn thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na đối với ông **Lê Hải Long** kể từ thời điểm được ĐHĐCĐ thông qua.

Lý do: Cổ đông Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP thôi giới thiệu ông Lê Hải Long tham gia Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

2. Bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị thay thế ông Lê Hải Long.

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới là 05 (năm) năm, tính từ thời điểm được bầu bổ sung.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Các TV HĐQT, BKS;
- Lưu VT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN HỦA NA

Hoàng Xuân Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông

Tên Cổ đông:

Số thứ tự cổ đông:

Số cổ phần sở hữu: **Cổ phần**

TT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 của Hội đồng quản trị	☐	☐	☐
2	Báo cáo của Ban giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026	☐	☐	☐
3	Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026	☐	☐	☐
4	Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025	☐	☐	☐
5	Tờ trình về việc thông qua kế hoạch tài chính năm 2026	☐	☐	☐
6	Tờ trình về việc thông qua kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty	☐	☐	☐
7	Tờ trình về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2025	☐	☐	☐
8	Tờ trình về việc thông qua danh sách các đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026	☐	☐	☐
9	Tờ trình việc miễn nhiệm và bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị công ty cổ phần thủy điện Hủa Na	☐	☐	☐

Lưu ý:

*- Quý cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu "**X**" vào một trong ba ô: "**Tán thành**" hoặc "**Không tán thành**" hoặc "**Không có ý kiến**" lần lượt từng nội dung biểu quyết.*

Nghệ An, ngày 24 tháng 4 năm 2026

CỔ ĐÔNG/ĐẠI DIỆN CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THUỶ ĐIỆN HỦA NA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày tháng 4 năm 2026

QUY CHẾ
BẦU CỬ BỔ SUNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na tiến hành bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị theo quy chế dưới đây:

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được xác lập nhằm quy định cụ thể các nguyên tắc, phương thức cho việc đề cử, ứng cử và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ("Đại hội").

2. Quy chế này áp dụng đối với tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na ("Công ty") theo danh sách chốt ngày 26/3/2026) và người đại diện theo ủy quyền hợp lệ có mặt tại Đại hội.

Điều 2. Số lượng, tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung

1. Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na được bầu bổ sung là: 01 Thành viên.

2. Số lượng ứng cử, đề cử vào thành viên Hội đồng quản trị: phụ thuộc vào số lượng ứng cử, đề cử tại Đại hội.

3. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị: theo Khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 3. Nguyên tắc bầu cử

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ.

2. Thực hiện đúng qui định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 4. Quy định về đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông

nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ bảy mươi phần trăm (70%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ tám mươi phần trăm (80%) đến dưới chín mươi (90%) được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy chế này, thì Hội đồng quản trị đương nhiệm sẽ đề cử số lượng ứng viên cho đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy chế này.

Điều 5. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị.

1. Hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

- Đơn ứng cử/đề cử (theo mẫu);
- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu);
- Bản sao hợp lệ CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao hợp lệ các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn;
- Giấy ủy quyền và/hoặc Biên bản họp nhóm (nếu ứng cử viên được nhóm ủy quyền ứng cử).

2. Người tự ứng cử, đề cử bầu làm thành viên Hội đồng quản trị phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực nội dung hồ sơ tự ứng cử, đề cử của mình.

3. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử, ứng cử.

Hồ sơ đề cử/ứng cử phải được gửi bản gốc về Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na chậm nhất là 17h00 ngày 13/4/2026 (tính theo dấu Đơn vị chuyển bưu phẩm) theo địa chỉ sau:

Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na - Tầng 9, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An, số 07, đường Quang Trung, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điều 6. Lựa chọn các ứng cử viên

Căn cứ Đơn đề cử/ứng cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đủ điều kiện quy định bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị của Công ty thông qua trước khi bầu cử.

Điều 7. Hình thức và phương thức bầu cử

1. Hình thức bầu cử

Việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị sẽ được thực hiện theo hình thức trực tiếp, bỏ phiếu kín tại Đại hội;

2. Phương thức bầu cử

- Việc bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;

- Bầu cử bằng phương pháp ghi số phiếu bầu: Ghi trực tiếp số phiếu bầu cho ứng viên mà mình lựa chọn. Số phiếu bầu cho ứng viên có thể bằng hoặc ít hơn tổng số quyền bầu cử thành viên Hội đồng quản trị của người đó. Số phiếu bầu mà người thực hiện quyền bầu cử bầu cho ứng viên thành viên Hội đồng quản trị mình tín nhiệm không được vượt quá tổng số quyền bầu cử thành viên Hội đồng quản trị của người đó.

- Đại biểu thực hiện quyền bầu cử theo ủy quyền/đại diện hợp lệ có đầy đủ quyền bầu cử.

(Phụ lục hướng dẫn phương thức bầu phiếu kèm theo)

Điều 8. Tổ chức và giám sát bầu cử

Việc tổ chức và giám sát bầu cử được Ban Kiểm phiếu thực hiện theo đúng các quy định tại Quy chế này.

Điều 9. Phiếu bầu cử

1. Nội dung của Phiếu bầu cử

Phiếu bầu do Ban Tổ chức phát hành, có dấu treo của Công ty, Số thứ tự cổ đông và số cổ phần sở hữu/đại diện có quyền biểu quyết và tổng số quyền biểu quyết mà họ đại diện tương ứng. Cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi được phát phiếu bầu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban Kiểm phiếu.

Mỗi cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông dự họp sẽ được phát 01 (một) Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị.

2. Cách ghi Phiếu bầu cử

- Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông ghi số phiếu mình muốn bầu vào cột "Số phiếu biểu quyết" tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.

- Nếu không bầu cho ứng cử viên, cổ đông điền số "0" hoặc gạch chéo vào cột "Số phiếu biểu quyết".

- Cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông phải ký và ghi rõ họ tên dưới phiếu bầu để xác nhận.

3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử

a/ Phiếu bầu hợp lệ là phiếu bầu được in sẵn do Ban Tổ chức phát ra có đóng dấu Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài qui định.

b/ Phiếu bầu được coi là không hợp lệ khi vi phạm một trong các lỗi sau:

- Phiếu không do Ban Tổ chức Đại hội phát hành hoặc không có dấu của Công ty;

- Phiếu gạch xóa lên tên của (các) ứng cử viên;

- Phiếu có tẩy xoá, sửa chữa, bổ sung các nội dung không theo quy định (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới);

- Phiếu bầu cho những người không có tên trong Danh sách ứng cử viên mà Đại hội cổ đông đã quyết định;

- Phiếu có tổng số phiếu biểu quyết cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông đó sở hữu/được ủy quyền;

- Phiếu bầu ghi tổng số phiếu biểu quyết đã bầu bị cộng sai mà Ban Kiểm phiếu cộng lại lớn hơn tổng số phiếu biểu quyết được bầu đã ghi sẵn trên phiếu;

- Phiếu không ký tên và ghi rõ họ tên của cổ đông/đại diện ủy quyền của cổ đông;

- Phiếu nộp sau khi Ban Kiểm phiếu đã kết thúc việc thu phiếu bầu cử.

Các phiếu không hợp lệ sẽ không được tính vào kết quả bầu cử.

Điều 10. Bỏ phiếu và kiểm phiếu

Các cổ đông bỏ phiếu chỉ bỏ phiếu vào hòm phiếu đã được niêm phong do Ban Kiểm phiếu giám sát. Việc bỏ phiếu kết thúc sau khi các cổ đông cuối cùng đã bỏ phiếu vào hòm phiếu.

Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc.

Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

Điều 11. Nguyên tắc xác định kết quả bầu cử

1. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ thành viên cần bầu.

2. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu cao nhất thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau để chọn 01 ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi lựa chọn được theo cách thức bầu tại Quy chế này.

Điều 12. Biên bản kiểm phiếu

Sau khi kiểm phiếu, Ban Kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ số phiếu của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số phiếu của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỷ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên bổ sung vào Hội đồng quản trị; Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

Điều 13. Khiếu nại

Nếu xét thấy có những hành vi gian dối hoặc vi phạm Điều lệ Công ty có liên quan đến cuộc bầu cử này, mọi cổ đông/đại diện cổ đông đều có quyền chất vấn. Chủ tọa Đại hội, Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm giải trình và làm rõ mọi vấn đề chất vấn của cổ đông và phải chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế bầu cử này bao gồm 14 Điều, có hiệu lực sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và chỉ áp dụng cho việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty.

2. Chủ tọa Đại hội sẽ thay mặt ký, ban hành Quy chế này sau khi Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn văn Quy chế.

Nơi nhận:
- Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, TK ;

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA

Hoàng Xuân Thành

PHỤ LỤC

HƯỚNG DẪN PHƯƠNG THỨC BẦU DỒN PHIẾU

(Kèm theo Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na)

1. Quy định bầu dồn phiếu

Việc bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội tiến hành theo nguyên tác bầu dồn phiếu, trong đó cổ đông có quyền sử dụng tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một ứng cử viên, hoặc một số ứng viên với số lượng phiếu bầu cho mỗi ứng cử viên không bắt buộc phải bằng nhau; hoặc chỉ bầu một phần tổng số phiếu bầu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, phần phiếu biểu quyết còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào, tùy thuộc vào sự tín nhiệm đối với ứng cử viên đó.

2. Cách thức bầu

a) Xác định tổng số phiếu biểu quyết của 1 cổ đông (hoặc đại diện cổ đông)

**** Bầu thành viên Hội đồng quản trị***

Tổng số phiếu biểu quyết	=	Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết	x	Số thành viên Hội đồng quản trị được bầu

Ví dụ 1: Số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu là 01 người

Ông X là cổ đông năm giữ 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết

Như vậy, phiếu biểu quyết của ông X là (1.000 x 1) = 1.000 phiếu

b) Các thức thức bỏ phiếu

Cách ghi:

- Trên mỗi phiếu bầu có ghi rõ tổng số phiếu biểu quyết của người cầm phiếu.

- Khi đồng ý bầu cho ứng cử viên, cổ đông ghi số phiếu mình muốn bầu vào cột "Số phiếu biểu quyết" tại dòng tương ứng với tên ứng cử viên đó.

- Nếu không bầu cho ứng cử viên, cổ đông điền số "0" hoặc gạch chéo vào cột "Số phiếu biểu quyết".

Lưu ý: Tổng số phiếu biểu quyết không được vượt quá tổng số phiếu biểu quyết ghi trên phiếu bầu cử.

* Ví dụ các trường hợp bầu

- Trường hợp cổ đông bầu dồn hết phiếu cho một ứng cử viên:

STT	Họ và tên	Số phiếu biểu quyết
1	Nguyễn Văn A	1.000
2	Phạm Thị B	0
	Tổng cộng *(Không được vượt quá 1.000 phiếu)*	**1.000**

- Trường hợp cổ đông chia đều cho các ứng cử viên:

STT	Họ và tên	Số phiếu biểu quyết
1	Nguyễn Văn A	500
2	Phạm Thị B	500
	Tổng cộng *(Không được vượt quá 1.000 phiếu)*	**1.000**

- Trường hợp cổ đông không chia đều phiếu bầu cho các ứng cử viên

STT	Họ và tên	Số phiếu biểu quyết
1	Nguyễn Văn A	800
2	Phạm Thị B	200
	Tổng cộng *(Không được vượt quá 1.000 phiếu)*	**1.000**

- Trường hợp cổ đông không bầu cho ứng cử viên nào có tên trong danh sách hoặc bầu số phiếu ít hơn quyền bầu:

STT	Họ và tên	Số phiếu biểu quyết
1	Nguyễn Văn A	0
2	Phạm Thị B	0
	Tổng cộng *(Không được vượt quá 1.000 phiếu)*	**0**

Lưu ý: Ông X có thể chỉ sử dụng ít hơn 1.000 phiếu biểu quyết để bầu các ứng viên. Nếu dùng quá phiếu biểu quyết là phiếu bầu không hợp lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026

PHIẾU BẦU BỔ SUNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tên Cổ đông: .....

Số thứ tự cổ đông: .....

Tổng số cổ phần sở hữu/đại diện: ..... **Cổ phần**

Tổng số phiếu biểu quyết bầu cử thành viên HĐQT : ..... **Phiếu**

STT	Họ tên ứng viên	Số phiếu biểu quyết
1	Ông/Bà:.....	
2	Ông/Bà:.....	
3	Ông/Bà:.....	

Ghi chú:
- Bầu cử bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo nguyên tác bầu dồn phiếu, trong đó cổ đông có quyền sử dụng tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một ứng cử viên, hoặc một số ứng viên với số lượng phiếu bầu cho mỗi ứng cử viên không bắt buộc phải bằng nhau; hoặc chỉ bầu một phần tổng số phiếu bầu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên, phần phiếu biểu quyết còn lại có thể không bầu cho bất kỳ ứng cử viên nào, tùy thuộc vào sự tín nhiệm đối với ứng cử viên đó.
- Tổng số phiếu biểu quyết không được vượt quá tổng số phiếu biểu quyết ghi trên phiếu bầu cử.

Nghệ An, ngày 24 tháng 4 năm 2026
Cổ đông/Đại diện theo ủy quyền của cổ đông
(Ký và ghi rõ họ tên)

TỔNG CÔNG TY
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Số: /NQ-HHC-ĐHĐCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nghệ An, ngày 24 tháng 4 năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN HỦA NA

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần thuỷ điện Hủa Na;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần thủy điện Hủa Na ngày 24/4/2026,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na tổ chức vào ngày 24/4/2026 thống nhất thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 của Hội đồng quản trị. Yêu cầu Công ty thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức thực hiện đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu lợi nhuận và các chỉ tiêu kế hoạch khác năm 2026.

- Đối với các hạng mục đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm trang thiết bị, tài sản cố định, chỉ triển khai thực hiện sau khi đã hoàn thành đúng, đủ các thủ tục theo quy định hiện hành.

- Nghiêm túc triển khai thực hiện kế hoạch tiết giảm chi phí năm 2026.

2. Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na, với nội dung chính như sau:

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Thực hiện/Kế hoạch
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(5)/(4)*
1	Sản lượng điện	Tr.kWh	685,28	1.050,68	153%
-	*Nhà máy thủy điện Hủa Na*	*Tr.kWh*	625,28	966,28	155%
-	*Nhà máy thủy điện Nậm Nơn*	*Tr.kWh*	60,00	84,40	141%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	828,70	1.172,95	142%
-	Doanh thu bán điện	Tỷ đồng	822,93	1.152,16	140%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2025	Thực hiện/Kế hoạch
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(5)/(4)*
-	Doanh thu khác	Tỷ đồng	5,77	20,79	361%
3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	633,62	671,65	106%
-	Chi phí giá vốn	Tỷ đồng	553,96	597,42	108%
-	Chi phí tài chính	Tỷ đồng	29,27	28,02	96%
-	Chi phí quản lý	Tỷ đồng	50,39	45,81	90%
-	Chi phí khác	Tỷ đồng	-	0,39	
4	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	195,08	501,31	257%
5	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	Tỷ đồng	185,33	475,81	257%
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	199,06	222,41	112%
7	Giá thành	đ/kWh	924,60	638,23	69%
8	Tỷ lệ chia cổ tức (10%)	Tỷ đồng	235,23	235,23	100%

b. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch SXKD 2026
1	Sản lượng điện thương mại	Tr.kw.h	721,8
-	Nhà máy thủy điện Hủa Na	Tr.kw.h	659,8
-	Nhà máy thủy điện Nậm Nơn	Tr.kw.h	62,0
2	Các chỉ tiêu tài chính		
2.1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	2.352,3
2.2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	895,9
-	Doanh thu phát điện	Tỷ đồng	879,3
+	Nhà máy thủy điện Hủa Na	Tỷ đồng	796,5
+	Nhà máy thủy điện Nậm Nơn	Tỷ đồng	82,8
-	Doanh thu tài chính + khác	Tỷ đồng	16,6
2.3	Tổng chi phí	Tỷ đồng	667,2
2.4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	228,65
2.5	Thuế TNDN	Tỷ đồng	22,9
2.6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	205,8
-	Tỷ suất lợi nhuận/VĐL	%	8,75
3	Giá thành (bao gồm thuế phí)	đồng/kWh	924,5
4	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	209,3

STT	Các chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch SXKD 2026
4	Kế hoạch đầu tư và mua sắm TSCĐ, TTB	Tỷ đồng	91,6
6	Lao động	Người	143,0
7	Năng suất lao động bình quân	Tr.đ.ng/tháng	171,0
8	Tỷ lệ chia cổ tức (15%)	Tỷ đồng	352,85

3. Báo cáo của Ban kiểm soát Công ty về kết quả hoạt động năm 2025 và kế hoạch năm 2026 Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

4. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2025.

5. Kế hoạch tài chính năm 2026 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

6. Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2026 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na:

a. Kế hoạch thù lao năm 2026 của HĐQT và BKS kiêm nhiệm.

+ Thành viên HĐQT kiêm nhiệm: 10.000.000 đồng/người/tháng.

+ Thành viên BKS kiêm nhiệm: 8.000.000 đồng/người/tháng.

b. Kế hoạch tiền lương, thu nhập năm 2026 của HĐQT và BKS làm việc theo chế độ chuyên trách.

- Tiền lương Chủ tịch HĐQT: 887.625.200 đồng.

- Tiền lương Thành viên HĐQT, Giám đốc: 887.625.200 đồng.

- Tiền lương Trưởng Ban Kiểm soát: 810.440.400 đồng.

c. Kế hoạch chi phí hoạt động năm 2026 của HĐQT, BKS: 921.000.000 đồng

Tiền lương kế hoạch của các thành viên HĐQT và BKS nêu trên chưa bao gồm các khoản: Thưởng an toàn, các khoản tiền thưởng, phúc lợi,... được hưởng theo quy định của Nhà nước/Công ty.

7. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025.

a. Phương án phân phối lợi nhuận:

TT	Nội dung	Phân phối lợi nhuận 2025		Ghi chú
		Mức trích	Số tiền	
1	**Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại 31/12/2025**		**928.345.241.879**	
1.1	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2024 chuyển sang		452.531.834.267	

TT	Nội dung	Phân phối lợi nhuận 2025		Ghi chú
		Mức trích	Số tiền	
1.2	Lợi nhuận sau thuế năm 2025		475.813.407.612	
2	**Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2025**		**614.545.689.187**	
2.1	Trích Quỹ đầu tư và phát triển	50%	237.906.703.806	*= 50%*LNST*
2.2	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và trích quỹ thưởng người quản lý	5%	23.790.670.381	*=5%*LNST*
2.3	Chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền	15%	352.848.315.000	*= 15%*VĐL*
3	**Lợi nhuận còn lại sau phân phối**		**313.799.552.692**	

b. Giao HĐQT Công ty lựa chọn thời điểm chi trả cổ tức phù hợp với khả năng cân đối dòng tiền của Công ty.

8. Thông qua Danh sách đơn vị kiểm toán để lựa chọn thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2026 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na như sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.
- Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam.
- Công ty TNHH Kiểm toán VACO.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một đơn vị có uy tín và năng lực trong danh sách trên để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na.

9. Thông qua việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na, cụ thể như sau:

- Miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị Công ty đối với ông Lê Hải Long kể từ ngày 24/4/2026.

- Bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới là 05 (năm) năm tính từ ngày 24/4/2026.

10. Thông qua kết quả bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na, như sau:

Ông/Bà: ....., sinh ngày ..... trúng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na, với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm tính từ ngày 24/4/2026.

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ủy quyền cho Chủ tọa đại hội/Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty ký ban hành các Nghị quyết/Quyết định về các nội dung đã được Đại hội thông qua.

Điều 3. Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Hủa Na chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ tổ chức & hoạt động của Công ty.

Nơi nhận:
- Các Cổ đông (để b/c);
- Các thành viên HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Ban GĐ Công ty;
- Lưu VT.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoàng Xuân Thành